

# Bảy mươi năm bị lãng quên của Ty-rơ

Jeff Pippenger

2023-08-12

## Bảy mươi năm bị lãng quên của Ty-rơ

Tất cả các vị tiên tri đều chỉ ra ngày tận thế.

Mỗi vị tiên tri thời xưa nói ít cho thời họ hơn cho thời chúng ta, vì vậy lời tiên tri của họ hiện có hiệu lực đối với chúng ta. 'Bây giờ mọi điều ấy đã xảy ra cho họ như những gương mẫu; và đã được chép ra để răn dạy chúng ta, là những người mà sự tận cùng của thế gian đã đến.' 1 Cô-rinh-tô 10:11. 'Không phải cho chính họ, nhưng cho chúng ta họ đã phục vụ những điều ấy, là những điều nay đã được thuật lại cho anh em bởi những người đã rao giảng Tin Lành cho anh em trong Đức Thánh Linh từ trời sai xuống; những điều mà các thiên sứ cũng ao ước xem xét.' 1 Phi-e-rơ 1:12. . . .

Kinh Thánh đã tích lũy và gom góp các kho tàng của mình lại cho thế hệ sau rốt này. Mọi biến cố trọng đại và những sự việc trang nghiêm trong lịch sử Cựu Ước đã và đang tái diễn trong hội thánh trong những ngày sau rốt này. Selected Messages, quyển 3, 338, 339.

Tất cả các sách của Kinh Thánh đều kết lại trong sách Khải Huyền.

"Trong sách Khải Huyền, tất cả các sách của Kinh Thánh hội tụ và khép lại." Công vụ các Sứ đồ, 585.

Lời cảnh báo cuối cùng dành cho cư dân Trái Đất được nêu trong Khải Huyền 18.

Và sau những điều ấy, tôi thấy một thiên sứ khác từ trời xuống, có quyền năng lớn; và đã được chiếu sáng bởi vinh quang của người ấy. Người kêu lớn tiếng, nói rằng: Ba-by-lôn lớn đã sụp đổ, đã sụp đổ, và đã trở nên chỗ ở của các quỷ, sào huyệt của mọi tà linh ô uế, và chuồng của mọi loài chim ô uế và đáng ghét. Vì muôn dân đều đã uống rượu của cơn thịnh nộ do sự tà dâm của nó, các vua trên đất đã phạm tà dâm với nó, và các thương gia trên đất đã trở nên giàu có nhờ sự xa hoa dư dật của nó. Khải Huyền 18:1-3.

Cụm từ "Ba-by-lôn vĩ đại" tượng trưng cho Giáo hội Công giáo La Mã, và trong sách Ê-sai chương hai mươi ba, "Ba-by-lôn vĩ đại" được tượng trưng bởi Ty-rơ.

Gánh nặng về Ty-rơ. Hỡi những tàu của Ta-rê-si, hãy than khóc; vì nó đã bị tàn phá, đến nỗi không còn nhà, không còn lối vào; điều ấy đã được tỏ cho họ từ đất Chít-tim. Hỡi dân cư của hải đảo, hãy lặng đi; người, kẻ đã được các lái buôn của Si-đôn, những người vượt biển, làm cho đầy đầy. Bởi các nguồn nước lớn, hạt giống của Si-hô, mùa gặt của con sông, là thu nhập của nó; và nó là chợ buôn của các dân tộc. Hỡi Si-đôn, hãy hổ thẹn đi; vì biển, tức là thành lũy của biển, đã nói rằng: Ta không đau đớn, cũng chẳng sinh con; ta chẳng nuôi dưỡng trai trẻ, cũng chẳng nuôi dạy trinh nữ. Như khi người ta nghe tin về Ai Cập, thì khi nghe tin về Ty-rơ, họ cũng sẽ quặn đau như vậy. Hãy qua Ta-rê-si; hỡi dân cư của hải đảo, hãy than khóc. Có phải đây là thành vui mừng của các người, có từ những ngày xưa xưa? Chính chân nó sẽ đưa nó đi xa để ở tạm. Ai đã lập mưu này nghịch cùng Ty-rơ, thành ban mả triều, thành có những lái

buôn là vương hầu, những kẻ giao dịch là bậc tôn quý trên đất? Ấy là Đức Giê-hô-va vạn quân đã định, để bồi nhọ sự kiêu ngạo của mọi vinh quang, và đem mọi người tôn quý trên đất vào chỗ khinh bỉ. Hỡi con gái Ta-rê-si, hãy băng qua đất người như một dòng sông; không còn sức mạnh nữa. Ngài đã giơ tay trên biển, Ngài đã làm rung chuyển các vương quốc; Đức Giê-hô-va đã truyền lệnh nghịch cùng thành buôn bán, để phá hủy các đồn lũy của nó. Ngài đã phán: Người sẽ chẳng còn vui mừng nữa, hỡi trinh nữ bị áp bức, con gái Si-đôn; hãy chỗi dậy, qua Chít-tim; tại đó người cũng sẽ chẳng được yên nghỉ. Kia xứ Canh-đê; dân này xưa chẳng có, cho đến khi người A-si-ri lập nó cho những kẻ ở nơi hoang dã; họ dựng các tháp canh, họ xây các cung điện; rồi nó bị đưa đến chỗ hoang tàn. Hỡi những tàu của Ta-rê-si, hãy than khóc; vì sức mạnh của các người đã bị tàn phá. Trong ngày ấy, Ty-ơ sẽ bị quên lãng bảy mươi năm, theo số ngày của một vua; sau khi mãn bảy mươi năm, Ty-ơ sẽ hát như một kẻ điếm. Hỡi kẻ điếm đã bị quên lãng, hãy cầm đàn hạc, đi khắp thành; hãy gảy khúc êm dịu, hát nhiều bài ca, để người ta nhớ đến người. Sau khi mãn bảy mươi năm, Đức Giê-hô-va sẽ thăm viếng Ty-ơ; nó sẽ quay lại với tiền công của mình, và sẽ phạm tà dâm với mọi vương quốc trên mặt đất. Cửa buôn bán và tiền công của nó sẽ là vật thánh cho Đức Giê-hô-va; sẽ không được tích trữ hay cất giữ; vì cửa buôn bán của nó sẽ thuộc về những kẻ ở trước mặt Đức Giê-hô-va, để ăn cho đủ, và để có áo xống bền lâu. Ê-sai 23:1-18.

Bà White viết: “Tất cả các biến cố lớn lao và những sự việc long trọng trong lịch sử Cựu Ước đã và đang tự lặp lại trong Hội Thánh vào những ngày sau rốt này.”

Ê-sai 23 bàn về các mối quan hệ mang tính tiên tri giữa Liên Hợp Quốc, Giáo hoàng quyền, Hoa Kỳ và Hồi giáo. Để nhận ra những sự thật này, một số biểu tượng trong chương phải được xác định bởi Sự soi dẫn. Khi các biểu tượng đã được xác định, trình tự các sự kiện trở nên khá rõ ràng. Những biểu tượng trong chương cần được xác định là:

Gánh nặng, Tyre, Kỹ nữ, Người Assyria, Vùng đất của người Canh-đê, Tháp và Cung điện, Tarshish, Dòng dõi của Sihor, Vùng đất Chittim, Zidon, Thành phố của các thương nhân, Tin tức về Ai Cập và tin tức về Tyre, Tiếng kêu la, Một người con gái, Bảy mươi năm, Những ngày của một vị vua, Quên lãng, và Nhớ lại

Từ "burden" trong câu một chỉ ra một lời tiên tri về sự diệt vong chống lại vương quốc Ty-ơ.

Gánh nặng: H4853 - từ H5375; một gánh nặng; cụ thể là cống nạp, hoặc (trừu tượng) việc khuân vác; theo nghĩa bóng là một lời phán, chủ yếu là lời phán xét, đặc biệt là ca hát; tinh thần, ước muốn: - gánh nặng, mang đi, lời tiên tri, X họ lập, bài ca, cống nạp.

“Gánh nặng” của Ty-ơ là một trong nhiều đoạn trong Kinh Thánh nơi sự phán xét cuối cùng của Giáo hội Công giáo La Mã được nhận diện. Một “gánh nặng” theo cách dùng và định nghĩa là một lời tiên tri, và chủ yếu là lời tiên tri về tai hoạ. Có mười một “gánh nặng” trong Ê-sai và tám lần từ này được dùng để mô tả một gánh nặng được mang trên vai. Mười một lần từ “gánh nặng” được trình bày như lời tiên tri về tai hoạ là Ê-sai 13:1; 15:1; 17:1; 19:1; 21:1, 11, 13; 22:1; 30:6 và dĩ nhiên là chương hai mươi ba, nơi chúng ta thấy gánh nặng của Ty-ơ. Đáng để đặt tất cả các lời tiên tri về tai hoạ của Ê-sai lại với nhau nhằm đánh giá quyền lực nào được đại diện trong những ngày sau rốt. Mười một lời tiên tri về tai hoạ thì khó bao quát cùng lúc, vì vậy tôi sẽ đưa ra định nghĩa

ngắn gọn cho từng lời tiên tri về tai hoạ để tạo bối cảnh cho chương hai mươi ba.

Trong chương mười ba, lời tiên tri về án phạt giáng trên Babylon chính là Babylon hiện đại vào thời mạt thế, tức là dân phụ của La Mã, điều cũng được mô tả trong chương mười bảy của sách Khải Huyền.

Bấy giờ có một trong bảy thiên sứ cầm bảy chén đến, nói với tôi: “Hãy đến đây; ta sẽ chỉ cho ngươi sự phán xét về con đại dân phụ ngồi trên nhiều nước; các vua trên đất đã thông dân với nàng, và cư dân trên đất đã say vì rượu tà dân của nàng.” Rồi người đem tôi trong Thánh Linh vào đồng vắng; và tôi thấy một người đàn bà ngồi trên một con thú màu đỏ thẫm, đầy những danh xưng phạm thượng, có bảy đầu và mười sừng. Người đàn bà ấy mặc áo tía và đỏ điều, trang sức bằng vàng, đá quý và ngọc trai, tay cầm một chén vàng đầy những điều gớm ghiếc và sự ô uế của sự tà dân của nàng; trên trán nàng có ghi một tên: SỰ MÀU NHIỆM, BA-BY-LÔN LỚN, MẸ CỦA CÁC DÂN PHỤ VÀ NHỮNG ĐIỀU GỚM GHIẾC CỦA ĐẤT. Khải Huyền 17:1-5.

Tôi cần tạm lạc đề một chút. Mục đích của việc nghiên cứu lời tiên tri về Tyre rốt cuộc là để so khớp lịch sử tiên tri của Hoa Kỳ với lịch sử của Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy. Chúng tôi sẽ cho thấy rằng chính phủ Hoa Kỳ là một sừng của con thú giống chiên con trong Khải Huyền chương mười ba, và rằng phong trào Tin Lành bước ra từ Thời kỳ Tăm Tối là sừng kia. Sừng của phong trào Tin Lành đã trở thành phong trào Cơ Đốc Phục Lâm Millerite vào thời điểm những người Tin Lành tại Hoa Kỳ khước từ sứ điệp của thiên sứ thứ nhất. Khi đã xác lập điều đó, chúng tôi sẽ cho thấy rằng lịch sử của sừng Tin Lành và lịch sử của sừng của nền cộng hòa chạy song song với nhau và mang những đặc điểm tiên tri tương ứng. Rốt cuộc, chúng ở trên cùng một con thú, biểu thị rằng cả hai sừng là đương thời với nhau. Tôi sẽ minh họa một ví dụ về sự song song này của hai sừng giáo hội và nhà nước tại Hoa Kỳ. Cả hai đều 'quên' theo cách riêng của mình.

Ê-sai 23 đánh dấu mốc tiên tri rằng quyền lực giáo hoàng bị lãng quên trong bảy mươi năm, và trong bảy mươi năm mang tính biểu tượng ấy, người ta quên mất Giáo hoàng chế và vì sao Thời Kỳ Tăm Tối được gọi là Thời Kỳ Tăm Tối. Khẩu hiệu của sừng Tin Lành khi họ tách khỏi Giáo hội Công giáo là Kinh Thánh và chỉ Kinh Thánh mà thôi. Họ quên rằng Kinh Thánh cho chúng ta biết thực chất của Giáo hoàng chế là gì. Họ quên sứ điệp được khắc ghi trong tài liệu thiêng liêng mà họ được giao phó, và tuyên xưng mình là những người bảo vệ tiên phong của nó.

Những ai lẫn lộn trong sự hiểu biết về Lời, không nhận ra ý nghĩa của kẻ chống Đấng Christ, chắc chắn sẽ tự đặt mình về phía kẻ chống Đấng Christ. Bấy giờ không còn thời gian để chúng ta đồng hóa với thế gian. Đa-ni-ên đang đứng trong phần của mình và trong vị trí của mình. Những lời tiên tri của Đa-ni-ên và của Giăng cần phải được hiểu. Chúng giải thích lẫn nhau. Chúng mang đến cho thế gian những lẽ thật mà ai nấy đều nên hiểu. Những lời tiên tri này phải làm chứng giữa thế gian. Qua sự ứng nghiệm của chúng trong những ngày sau rốt này, chúng sẽ tự giải thích. Bộ sưu tập Kress, 105.

Tương tự, chiếc sừng Cộng hòa đại diện cho chính phủ Hoa Kỳ lẽ ra phải là do dân và vì dân, nhưng các công dân Hoa Kỳ cũng đã quên mất văn kiện thiêng liêng đã được giao phó cho họ. Văn kiện thiêng liêng đó là Hiến pháp Hoa Kỳ, và phương châm của chính phủ được thiết kế để vì dân

là nguyên tắc tách biệt giữa tôn giáo và nhà nước. Họ đã quên thông điệp của Hiến pháp mà họ được giao phó gìn giữ và từng tự nhận là những người bảo vệ nó.

Và hãy nhớ rằng, Rôma vẫn tự hào rằng mình không bao giờ thay đổi. Những nguyên tắc của Gregory VII và Innocent III vẫn là những nguyên tắc của Giáo hội Công giáo La Mã. Và chỉ cần có quyền lực, Giáo hội sẽ đem những nguyên tắc ấy ra thực hành với sự quyết liệt không kém gì các thế kỷ trước. Người Tin Lành ít hiểu họ đang làm gì khi chủ trương chấp nhận sự hỗ trợ của Rôma trong việc tôn cao ngày Chủ nhật. Trong khi họ quyết tâm đạt cho bằng được mục tiêu của mình, Rôma lại nhằm tái lập quyền lực, giành lại địa vị tối thượng đã mất. Chỉ cần một khi nguyên tắc này được thiết lập tại Hoa Kỳ—rằng Giáo hội có thể sử dụng hoặc kiểm soát quyền lực của nhà nước; rằng các việc thực hành tôn giáo có thể được cưỡng chế bằng luật đời; tóm lại, rằng quyền bính của giáo hội và nhà nước sẽ thống trị lương tâm—thì chiến thắng của Rôma trên đất nước này là điều chắc chắn.

"Lời của Đức Chúa Trời đã cảnh báo về mối nguy đang kề cận; nếu điều này bị phớt lờ, thế giới Tin Lành sẽ chỉ biết các mục đích thật sự của La Mã là gì khi đã quá muộn để thoát khỏi cạm bẫy. Nó đang âm thầm lớn mạnh. Giáo lý của nó đang phát huy ảnh hưởng tại các nghị trường, trong các hội thánh, và trong lòng người. Nó đang dựng lên những công trình cao ngất và đồ sộ của mình, mà trong những góc ngách bí mật của chúng, những cuộc bách hại trước kia của nó sẽ được lặp lại. Một cách lén lút và không ai ngờ tới, nó đang củng cố lực lượng của mình để phục vụ mưu đồ riêng khi thời điểm đến để ra tay. Điều nó mong muốn chỉ là một vị thế thuận lợi, và điều ấy đang được trao cho nó. Chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ thấy và cảm nhận mục đích của thế lực La Mã là gì. Ai tin và vâng theo Lời Đức Chúa Trời sẽ vì thế mà chuốc lấy sự sỉ nhục và bách hại." Cuộc Đại Tranh Chấp, 581.

Nếu bạn có thể tìm bất kỳ cuốn từ điển nào được xuất bản trước năm 1950 và tra “người đàn bà màu đỏ điều” hoặc một biến thể của cụm từ đó trong Khải Huyền đoạn mười bảy, thì mọi cuốn từ điển trước năm 1950 đều xác định rằng Giáo hội Công giáo La Mã là dân phụ của Khải Huyền đoạn mười bảy. Hoa Kỳ, con thú từ đất có hai sừng của Khải Huyền đoạn mười ba, quên đi quá khứ của mình, dù là chiếc sừng của Kháng Cách hay chiếc sừng của chủ nghĩa Cộng hòa. Cả hai thiết chế này đều nảy sinh từ cuộc phản kháng chống lại ách chuyên chế tôn giáo của giáo hoàng quyền và ách chuyên chế chính trị của các vua đã ủng hộ bà ta, hay như Kinh Thánh nói, các vua đã “phạm dân” với bà ta. Trước khi bàn đến Ê-sai đoạn hai mươi ba, chúng tôi sẽ lược trình bày mười lần khác Ê-sai xác định một “lời sấm tai họa”, vì cả mười một “gánh nặng” đều là như thế.

Ê-sai chương mười ba là lời sấm về Ba-by-lôn trong "những ngày sau rốt". Ba-by-lôn, dù trong những ngày sau rốt bị Giáo hội Công giáo kiểm soát và điều khiển, được cấu thành bởi ba quyền lực dẫn dắt thế giới đến A-ma-gê-đôn trong chương mười sáu của sách Khải Huyền. Trong lời tiên tri ở chương mười ba về án diệt đối với Ba-by-lôn hiện đại, có ba quyền lực được nêu: Ba-by-lôn, Lu-xi-phe và A-si-ri, tượng trưng cho con thú (A-si-ri), con rồng (Lu-xi-phe) và tiên tri giả (Ba-by-lôn). A-si-ri và Ba-by-lôn là hai quyền lực tàn phá mà Đức Chúa Trời đã dùng để trừng phạt Y-sơ-ra-ên xưa; A-si-ri đến trước, bắt mười chi phái miền bắc đi lưu đày, rồi sau đó Ba-by-lôn bắt hai chi phái miền nam của Giu-đa.

Y-sơ-ra-ên là một con chiên bị tàn lạc; các sư tử đã xua đuổi nó đi: trước hết, vua A-si-ri đã nuốt nó; và sau cùng, chính Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn, đã bẻ gãy xương cốt nó. Vì vậy, Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: Này, ta sẽ trừng phạt vua Ba-by-lôn và xứ sở của người, như ta đã trừng phạt vua A-si-ri. Giê-rê-mi 50:17, 18.

Trước hết A-si-ri bắt mười chi phái miền bắc của Y-sơ-ra-ên đi lưu đày, rồi sau đó Ba-by-lôn bắt hai chi phái miền nam của Giu-đa đi lưu đày. Cả hai cuộc lưu đày này đều là sự ứng nghiệm của “bảy lần” trong Lê-vi Ký 26. “Bảy lần” của Lê-vi Ký là “lời tiên tri về thời gian” đầu tiên mà William Miller khám phá, và nó xác định rằng khi A-si-ri bắt các chi phái miền bắc thì điều đó đánh dấu sự khởi đầu của một sự tàn lạc kéo dài hai nghìn năm trăm hai mươi năm. Giai đoạn ấy bắt đầu từ cuộc lưu đày của họ vào năm 723 TCN và kết thúc tại “thời kỳ cuối cùng” vào năm 1798. Các chi phái miền nam bị Ba-by-lôn bắt vào năm 677 TCN, khởi đầu “bảy lần” giáng trên Giu-đa, kết thúc cùng thời điểm với lời tiên tri hai nghìn ba trăm năm của Đa-ni-ên đoạn tám câu mười bốn, vào ngày 22 tháng 10 năm 1844. A-si-ri và Ba-by-lôn cùng thực hiện một mục đích trừng phạt đối với sự phản nghịch của dân Đức Chúa Trời, nhưng sự trừng phạt ấy trước hết được thi hành bởi A-si-ri, rồi đến Ba-by-lôn.

Trong mối liên hệ tiên tri giữa ba thế lực ở chương mười ba, Ba-by-lôn là hình ảnh của A-si-ri, vì nó đến sau nhưng đã làm cùng một việc chống lại dân của Đức Chúa Trời.

Trong chương mười lăm, lời sấm chống lại Mô-áp là nhằm vào các hội thánh Tin Lành.

“Mô tả này về Mô-áp đại diện cho các hội thánh đã trở nên giống như Mô-áp. Họ đã không đứng ở vị trí bôn phận của mình như những lính canh trung tín. Họ đã không hợp tác với các hữu thể có trí tuệ trên trời bằng cách vận dụng khả năng Đức Chúa Trời ban để làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời, đẩy lùi các quyền lực của sự tối tăm, và sử dụng mọi khả năng Đức Chúa Trời đã ban cho họ để thúc đẩy lẽ thật và sự công chính trong thế giới của chúng ta. Họ có sự hiểu biết về lẽ thật, nhưng họ đã không thực hành điều họ biết.” Chú Giải Kinh Thánh Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy, tập 4, trang 1159.

Hội thánh Tin Lành đã sa ngã là hội thánh đã tiếp tục bước đi với Chúa khi phần còn lại của giới Tin Lành bỏ chạy trước sứ điệp của thiên sứ thứ hai. Mô-áp là Cơ Đốc Phục Lâm, chiếc sừng Tin Lành đã sa ngã.

Chương mười bảy nói về Damascus và xác định rằng đó là một thành phố bị cất đi. Một thành phố là biểu tượng của một vương quốc, và vương quốc bị cất đi trong 'những ngày cuối cùng' là Hoa Kỳ.

Chương mười chín là lời tiên tri về sự diệt vong chống lại Ai Cập, tượng trưng cho Liên Hợp Quốc và toàn thế giới.

Ba lời sấm dữ tiếp theo trong chương hai mươi mốt nhằm vào vùng đất sa mạc khủng khiếp ở phương nam, Dumah và Ả Rập. Ba lời sấm dữ này xác định Hồi giáo, phù hợp với ba tai vạ trong Khải Huyền 8:13.

Lời tiên tri về sự diệt vong trong chương hai mươi hai mô tả sự tách biệt của những người Cơ Đốc Phục Lâm thuộc Lao-đi-xê khỏi những người Cơ Đốc Phục Lâm thuộc Phi-la-đen-phi vào thời

điểm luật Chủ nhật.

Và rồi trong đoạn ba mươi, chúng ta thấy “gánh nặng về loài thú ở phương Nam”, đó là minh họa thứ hai cho sự phản loạn của những người Cơ Đốc Phục Lâm Laodicê. Việc gom tất cả các “gánh nặng” trong Ê-sai lại với nhau hầu như đề cập đến mọi nhân vật tiên tri trong “những ngày sau rốt”. Tôi chọn Ê-sai đoạn hai mươi ba để chứng minh rằng lịch sử của Hoa Kỳ, với tư cách là vương quốc thứ sáu trong lời tiên tri Kinh Thánh, trị vì từ năm 1798 cho đến luật ngày Chủ nhật.

Bởi vì "mỗi vị tiên tri cổ xưa đã nói ít cho thời đại của họ hơn là cho thời đại của chúng ta, đến nỗi lời tiên tri của họ có hiệu lực đối với chúng ta," nên mọi lời phán tiên tri đều hướng đến những biến cố vào thời kỳ tận thế. Chân lý này, cùng với thực tế rằng "tất cả các sách của Kinh Thánh gặp nhau và kết thúc" trong sách Khải Huyền, xác lập sách Khải Huyền như điểm tham chiếu để đối chiếu các lời chứng tiên tri về những biến cố vào thời kỳ tận thế.

Trong chương mười bảy của sách Khải Huyền, chúng ta thấy đại dâm phụ gian dâm với các vua trên đất và sự phán xét cuối cùng của nó.

Và có một trong bảy thiên sứ cầm bảy bát đến, nói với tôi rằng: Hãy đến đây; Ta sẽ chỉ cho ngươi sự phán xét giáng trên đại dâm phụ ngồi trên nhiều dòng nước. Với nó, các vua trên đất đã phạm tà dâm, và dân cư trên đất đã bị làm cho say bởi rượu tà dâm của nó. Khải Huyền 17:1, 2.

Các nhà tiên tri không bao giờ mâu thuẫn với nhau.

Và thần linh của các nhà tiên tri vâng phục các nhà tiên tri. Vì Đức Chúa Trời không phải là tác giả của sự hỗn loạn, nhưng của sự bình an, như trong mọi hội thánh của các thánh đồ. 1 Cô-rinh-tô 14:32, 33.

Vào thời tận thế, “sự phán xét của con điểm lớn ngồi trên nhiều nước,” con điểm lớn “mà các vua trên đất đã phạm tà dâm với nó,” con điểm lớn đã làm cho “cư dân trên đất” say “bởi rượu tà dâm của nó,” được Ê-sai trình bày như “kỹ nữ” bị người ta quên “trong những ngày của một vua,” tức bảy mươi năm tiên tri. Khi bảy mươi năm kết thúc, Ty-rơ “sẽ phạm tà dâm với mọi vương quốc của thế gian.” Kỹ nữ của Ê-sai chính là con điểm lớn của Giăng. Kỹ nữ của Ê-sai và con điểm của Giăng tượng trưng cho Giáo hội Công giáo La Mã, vì trong Lời Đức Chúa Trời, người nữ là biểu tượng của một hội thánh.

Hỡi các người làm vợ, hãy vâng phục chồng mình như đối với Chúa. Vì chồng là đầu của vợ, như Đấng Christ là đầu của hội thánh; và chính Ngài là Đấng cứu rỗi của thân thể. Vậy nên, như hội thánh thuận phục Đấng Christ, thì vợ cũng hãy thuận phục chồng mình trong mọi sự. Hỡi những người làm chồng, hãy yêu vợ mình, như Đấng Christ cũng đã yêu hội thánh và đã phó chính mình vì hội thánh; để thánh hóa và làm cho hội thánh được sạch bởi sự tắm rửa bằng nước, nhờ lời; để trình dâng cho chính mình Ngài một hội thánh vinh hiển, không có vết nhơ hay nếp nhăn hoặc điều gì như thế, nhưng thánh khiết và không tì ố. Cũng vậy, người chồng phải yêu vợ như yêu chính thân thể mình. Ai yêu vợ mình thì là yêu chính mình. Vì chẳng ai ghét thân xác của mình, nhưng nuôi dưỡng và chăm sóc nó, như Chúa đối với hội thánh; vì chúng ta là các chi thể của thân thể Ngài, của thịt và của xương Ngài. Vì có đó, người đàn ông

sẽ lia cha mẹ mình, gắn bó với vợ mình, và hai người sẽ trở nên một thịt. Ấy là một sự mâu thuẫn lớn; nhưng tôi nói về Đấng Christ và hội thánh. Dầu vậy, mỗi người trong anh em hãy yêu vợ mình như chính mình; còn vợ thì hãy kính trọng chồng mình. Ê-phê-sô 5:22-33.

Sứ đồ Phao-lô chỉ ra rằng Hội thánh của Đấng Christ được mô tả trong lời tiên tri như một người nữ. Vì vậy, trong lời tiên tri, một người nữ tượng trưng cho một hội thánh, nhưng Hội thánh của Đấng Christ là “thánh khiết và không tì vết.” Một hội thánh ô uế được mô tả như một người nữ ô uế; vì thế Ê-sai nói đến một kỹ nữ, còn Giăng nói đến một dâm phụ. Họ mô tả giáo hoàng chế như một dâm phụ, và Hội thánh của Đức Chúa Trời là một trinh nữ.

Vì tôi ghen cho anh em như sự ghen của Đức Chúa Trời; vì tôi đã đính hôn anh em với một người chồng, để trình diện anh em như một trinh nữ thanh khiết cho Đấng Christ. 2 Cô-rinh-tô 11:2.

Không chỉ Hội thánh của Đức Chúa Trời được mô tả như một trinh nữ, mà còn được đính hôn với một người chồng duy nhất. Ty-rơ và đại dâm phụ mà Giăng thấy phạm tội tà dâm với các vua trên đất. Giáo hội Công giáo có quan hệ với nhiều người đàn ông, chứ không phải chỉ một. Đa-ni-ên cho chúng ta biết rằng các vua là các vương quốc.

Đây là chiêm bao; và chúng tôi sẽ trình bày lời giải nghĩa của nó trước mặt vua. Hỡi vua, vua là vua của các vua; vì Đức Chúa Trời ở trên trời đã ban cho vua một nước, quyền thế, sức mạnh và vinh quang. Bất cứ nơi nào con cái loài người cư ngụ, Ngài đã phó các thú ngoài đồng và chim trời vào tay vua, và lập vua làm chủ trên hết thảy. Vua chính là cái đầu bằng vàng ấy. Sau vua sẽ dấy lên một vương quốc khác kém hơn vua, rồi một vương quốc thứ ba bằng đồng, sẽ cai trị trên khắp đất. Và vương quốc thứ tư sẽ mạnh như sắt; vì sắt bẻ nát và khuất phục mọi sự; và như sắt nghiền nát tất cả những thứ ấy, nó sẽ bẻ nát và nghiền dập. Đa-ni-ên 2:36-40.

Trong Đa-ni-ên đoạn 2, các vương quốc trong lời tiên tri của Kinh Thánh được xác định và giải thích. Khi Đa-ni-ên giải mộng cho Nê-bu-cát-nét-sa, ông cho vua biết rằng vua là cái đầu bằng vàng. Cái đầu bằng vàng là một vị vua, nhưng một vị vua đại diện cho một vương quốc. Giáo hội Công giáo La Mã là đại dâm phụ gian dâm với mọi vua trên đất vào cuối bảy mươi năm theo lời tiên tri. Các vua là biểu tượng cho đàn ông, và Ty-rơ là một người đàn bà ô uế. Một người đàn bà là một hội thánh, một kẻ dâm phụ là một hội thánh ô uế; một người đàn ông là một vua và một vua là một vương quốc. Một người đàn bà là một hội thánh và một vua là một nhà nước. Mọi quan hệ phi pháp giữa hai thực thể này tượng trưng cho sự tà dâm thuộc linh.

Hiến pháp của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ là một văn kiện thiêng liêng hiến định sự cần thiết phải giữ hai thực thể này tách biệt. Mặc dù chúng ta vẫn chưa hoàn tất việc xác định Tyre là Giáo hội Công giáo La Mã, vào lúc này có vẻ thích hợp để đề cập đến một biểu tượng khác trong Ê-sai 23, biểu tượng này giải thích tính biểu tượng của người nam và người nữ—giáo hội và nhà nước.

Kìa xứ của người Canh-đê; dân này trước chẳng có, cho đến khi người A-si-ri lập nên nó cho những kẻ ở nơi đồng vắng. Họ dựng các tháp canh của nó, họ dựng các cung điện của nó; rồi chính người ấy khiến nó thành đồng đổ nát. Ê-sai 23:13.

Trong câu này, người A-si-ri đã lập nên xứ sở của người Canh-đê và dựng lên cả "tháp" lẫn "cung điện". Người A-si-ri là biểu tượng cho Nim-rôt, và người Canh-đê đại diện cho các lãnh đạo tôn giáo thuộc các tôn giáo huyền bí của Ba-by-lôn. Một "tháp" là biểu tượng của một hội thánh. Khi Chúa Giê-su trình bày dụ ngôn về vườn nho, Bà White đã bình luận về dụ ngôn như sau:

Trong dụ ngôn, người chủ nhà tượng trưng cho Đức Chúa Trời, vườn nho tượng trưng cho dân tộc Do Thái, và hàng rào là luật pháp thiêng liêng, vốn là sự bảo vệ của họ. Tháp là biểu tượng của đền thờ. Desire of Ages, 596.

Người A-si-ri đã lập nên xứ của người Canh-đê, những người đã dựng một nhà thờ (tháp) và một "cung điện". "Cung điện" tượng trưng cho "vua", mà "vua" đến lượt mình tượng trưng cho một vương quốc. Một vương quốc cũng được biểu trưng như một thành phố.

Và họ nói: Nào, chúng ta hãy xây cho mình một thành và một tháp, đỉnh chạm tới trời; và hãy làm nên tên tuổi cho mình, kẻo chúng ta bị tản mác khắp trên mặt toàn cõi đất. Sáng thế ký 11:4.

"Tháp" và "cung điện" mà người Assyria đã dựng nên chính là "thành phố" và "tháp" mà Nimrod đã xây dựng.

Và các thi thể của họ sẽ nằm trên đường phố của thành phố lớn, vốn theo nghĩa thiêng liêng được gọi là Sô-đôm và Ai Cập, nơi Chúa chúng ta cũng đã bị đóng đinh. Khải Huyền 11:8.

Sự soi dẫn cho chúng ta biết rằng "thành phố lớn" trong Khải Huyền đoạn mười một tượng trưng cho vương quốc Pháp trong thời kỳ Cách mạng Pháp.

'Thành phố lớn' mà trên các đường phố của nó các nhân chứng bị giết, và nơi thi thể họ nằm, là Ai Cập theo nghĩa 'thuộc linh'. Trong tất cả các dân tộc được trình bày trong lịch sử Kinh Thánh, Ai Cập là dân tộc táo bạo nhất chối bỏ sự hiện hữu của Đức Chúa Trời hằng sống và chống nghịch các mệnh lệnh của Ngài. Chưa có vị quân vương nào dám tiến hành một cuộc phản loạn công khai và ngạo mạn hơn chống lại uy quyền của Trời như vua Ai Cập đã làm. Khi Môi-se, nhân danh Chúa, đem sứ điệp đến với ông, Pha-ra-ôn kiêu ngạo đáp: 'Giê-hô-va là ai mà ta phải lắng nghe tiếng Ngài để cho Y-sơ-ra-ên đi? Ta không biết Giê-hô-va, hơn nữa ta sẽ không cho Y-sơ-ra-ên đi.' Xuất Ê-díp-tô Ký 5:2, A.R.V. Đây là chủ nghĩa vô thần, và dân tộc được Ai Cập đại diện sẽ cất tiếng phủ nhận tương tự đối với những đòi hỏi của Đức Chúa Trời hằng sống và sẽ bộc lộ cùng một tinh thần vô tín và thách thức. 'Thành phố lớn' cũng được so sánh, theo nghĩa 'thuộc linh', với Sô-đôm. Sự bại hoại của Sô-đôm trong việc vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời được bày tỏ đặc biệt qua tính dâm loạn phóng đảng. Và tội lỗi này cũng sẽ là một đặc điểm nổi bật của dân tộc sẽ ứng nghiệm những mô tả trong phân đoạn Kinh Thánh này.

Theo lời của nhà tiên tri, thì ít lâu trước năm 1798 sẽ có một thế lực có nguồn gốc và bản chất thuộc về Sa-tan trỗi dậy để gây chiến chống lại Kinh Thánh. Và tại xứ sở nơi lời chứng của hai nhân chứng của Đức Chúa Trời như vậy sẽ bị buộc phải im tiếng, sẽ bộc lộ chủ nghĩa vô thần của Pha-ra-ôn và sự truy lạc của Sô-đôm.

Lời tiên tri này đã được ứng nghiệm một cách hết sức chính xác và nổi bật trong lịch sử nước Pháp. Trong cuộc Cách mạng, vào năm 1793, 'lần đầu tiên thế giới nghe thấy một hội đồng gồm những người, được sinh ra và được giáo dục trong nền văn minh, và tự cho mình quyền cai trị một trong những quốc gia ưu tú nhất ở châu Âu, cất tiếng nói đồng thanh để phủ nhận chân lý trang nghiêm nhất mà linh hồn con người tiếp nhận, và nhất trí khước từ niềm tin và sự thờ phượng một Đấng Tối Cao.'—Sir Walter Scott, *Life of Napoleon*, tập 1, chương 17. 'Pháp là quốc gia duy nhất trên thế giới mà về quốc gia ấy vẫn còn lưu giữ ghi chép xác thực, rằng, với tư cách là một quốc gia, nước này đã giơ tay công khai phản nghịch chống lại Đấng Tạo Hóa của vũ trụ. Có rất nhiều kẻ phạm thượng, rất nhiều kẻ vô tín ngưỡng, đã có và vẫn còn có, ở Anh, Đức, Tây Ban Nha, và những nơi khác; nhưng Pháp đứng riêng trong lịch sử thế giới như nhà nước duy nhất mà, bằng sắc lệnh của Quốc hội Lập pháp, đã tuyên bố rằng không có Thượng Đế, và toàn thể dân cư của thủ đô, cùng một đa số áp đảo ở những nơi khác, cả phụ nữ lẫn đàn ông, đã nhảy múa và ca hát vui mừng khi chấp nhận lời tuyên bố đó.'—Blackwood's Magazine, tháng 11 năm 1870. *Cuộc Đại Tranh Chiến*, 269.

“Thành phố lớn” trong Khải Huyền chương mười một là quốc gia Pháp, nơi đã thông qua một “sắc lệnh của Quốc hội Lập pháp” tuyên bố rằng không có Đức Chúa Trời. Sắc lệnh ấy là một biểu hiện của chủ nghĩa vô thần, được biểu trưng bởi sự phản nghịch của Pharaon. Một thành phố lớn là một vương quốc, hoặc một “quốc gia” hoặc một “nhà nước”. Trong Khải Huyền chương mười một, nước Pháp được tượng trưng bằng hai biểu tượng - Ai Cập và Sô-đôm.

Chúng ta được cho biết: “Đây là chủ nghĩa vô thần, và quốc gia được Ai Cập đại diện sẽ lên tiếng bày tỏ sự phủ nhận tương tự đối với những đòi hỏi của Đức Chúa Trời hằng sống và sẽ bộc lộ một tinh thần vô tín và thách thức tương tự. ‘Thành phố lớn’ cũng được so sánh, ‘theo nghĩa thuộc linh,’ với Sô-đôm. Sự bại hoại của Sô-đôm trong việc vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời được bộc lộ đặc biệt qua tính dâm loạn.”

Thành phố vĩ đại, tức quốc gia Pháp, được biểu trưng bằng một quốc gia (Ai Cập) và một thành phố (Sô-đôm). Ai Cập “sẽ cất tiếng”, và việc một quốc gia lên tiếng tượng trưng cho quyền lực nhà nước, chứ không phải giáo quyền. Ai Cập là nhà nước và Sô-đôm là giáo hội — đó là cách biểu trưng được nêu trong chương mười một của Sách Khải Huyền.

"'Tiếng nói' của một quốc gia chính là hành động của các cơ quan lập pháp và tư pháp của quốc gia ấy." *The Great Controversy*, 442.

Trong Khải Huyền chương mười một, Giăng trình bày các biến cố của Cách mạng Pháp bằng những biểu tượng tiên tri. Cuộc Cách mạng thực sự đã cung cấp bằng chứng lịch sử dồi dào về tính đúng đắn của những lời tiên tri của Giăng trong chương ấy. Giăng đã tiên báo; rồi Cách mạng Pháp ứng nghiệm lời tiên báo ấy; và rồi, đến lượt mình, cả lời tiên báo lẫn sự ứng nghiệm trong lịch sử đều xác định và song song với các biến cố vào thời kỳ cuối cùng của thế gian, khi một lần nữa một nhà nước bại hoại kết hợp với một giáo hội bại hoại. Dĩ nhiên, một cuộc tắm máu sẽ theo sau cuộc hôn phối ô uế ấy. Nước Đức Chúa Trời cũng là một thành phố lớn.

Người đưa tôi trong Thánh Linh đến một ngọn núi lớn và cao, và chỉ cho tôi thấy thành phố lớn ấy, là Giê-ru-sa-lem thánh, từ nơi Đức Chúa Trời, từ trời xuống. Khải Huyền 21:10.

Sự đến của chàng rể, được trình bày ở đây, diễn ra trước lễ cưới. Lễ cưới tượng trưng cho việc Đấng Christ tiếp nhận vương quốc của Ngài. Thành Thánh, Giê-ru-sa-lem Mới, là thủ đô và đại diện của vương quốc, được gọi là “tân nương, vợ của Chiên Con.” Thiên sứ nói với Giăng: “Hãy đến đây, ta sẽ cho ngươi thấy tân nương, vợ của Chiên Con.” “Ngài cất tôi đi trong Thánh Linh,” nhà tiên tri nói, “và chỉ cho tôi thấy thành lớn ấy, tức Giê-ru-sa-lem thánh, từ nơi Đức Chúa Trời, từ trời mà xuống.” Khải Huyền 21:9, 10. Đại Tranh Chiến, 426.

Cuộc nổi loạn của Nimrod được thể hiện qua việc ông xây một tháp và một thành, điều này tiêu biểu cho sự kết hợp giữa giáo hội và nhà nước vào thời tận thế, vì mọi nhà tiên tri đều đã nói về tận thế. Cuộc nổi loạn của Nimrod cũng là sự tiếp nối cuộc phản nghịch của Lucifer, kẻ mong muốn nắm quyền kiểm soát cả giáo hội và nhà nước của Đức Chúa Trời.

Sao ngươi đã sa xuống từ trời, hỡi Lucifer, con trai của rặng đông! Sao ngươi, kẻ đã làm suy yếu các dân tộc, lại bị đốn xuống đất! Vì ngươi đã nói trong lòng: ta sẽ lên trời; ta sẽ nâng ngai ta lên trên các vì sao của Đức Chúa Trời; ta cũng sẽ ngồi trên núi của hội chúng, ở các sườn phía bắc; ta sẽ lên trên những đỉnh cao của mây; ta sẽ nên giống Đấng Tối Cao. Ê-sai 14:12-14.

Khi Ê-sai tiết lộ ước muốn thầm kín của Lucifer là “giống như Đấng Tối Cao”, ông chỉ ra rằng Lucifer đang tìm cách ngồi trên hai ngai khác nhau rõ rệt. Hắn muốn “tôn cao” “ngai mình lên trên các ngôi sao của Đức Chúa Trời” và “cũng ngồi trên núi hội chúng, nơi mạn bắc.”

Ngai vàng là biểu tượng cho thẩm quyền của nhà vua—hoặc thẩm quyền của nhà nước, và "các miền phương bắc" là Hội thánh của Đức Chúa Trời.

Một bài ca, một thi thiên, dành cho các con trai Cô-ra. Chúa thật vĩ đại, và rất đáng được ngợi khen trong thành của Đức Chúa Trời chúng ta, trên núi thánh của Ngài. Đẹp đẽ về địa thế, là niềm vui của cả trái đất, ấy là núi Si-ôn, ở phía bắc, thành của Vua vĩ đại. Trong các cung điện của thành ấy, Đức Chúa Trời đã tỏ ra là nơi nương náu. Thi Thiên 48:1-3.

Giê-ru-sa-lem là "thành của Vua vĩ đại", qua đó đánh dấu ngai trị vì về mặt chính trị của Đức Chúa Trời; và Giê-ru-sa-lem cũng là "núi thánh của Ngài", "ở các sườn phía bắc", qua đó đánh dấu ngai trị vì về mặt tôn giáo của Đức Chúa Trời. Ngay từ ban đầu, sự phản nghịch và chiến tranh của Sa-tan được mô tả trong bối cảnh tham vọng của hắn muốn cai trị cả Hội Thánh của Đức Chúa Trời lẫn nhà nước của Đức Chúa Trời. Sau đó Sa-tan đã dẫn dắt cuộc phản loạn của Nim-rót, và xúi mà ông ta lập cho người Canh-đê được trình bày như một miền đất nơi Nim-rót đã xây cả một tháp lẫn một thành — giáo hội và nhà nước.

Do đó, khi dân phụ của Ê-sai và đại dân phụ của Giăng gian dân với các vua trên đất, lời tiên tri cho thấy rằng một mối quan hệ ô uế diễn ra giữa Giáo hội Công giáo Rôma và các vua trên đất vào cuối bảy mươi năm tiên tri.

Lời tiên tri của Ê-sai mô tả sự phán xét đối với dân phụ Ty-rơ trong chương hai mươi ba, và Giăng mô tả cùng sự phán xét ấy bằng biểu tượng một người đàn bà màu đỏ tía, được nhận diện là "Ba-by-lôn lớn." Một nhân chứng thứ ba cho cùng sự phán xét đối với cùng dân phụ ấy như sau:

"Người đàn bà (Ba-by-lôn) trong Khải Huyền 17 được mô tả là 'mặc màu tía và đỏ điều, và trang sức bằng vàng, đá quý và ngọc trai, cầm một chén vàng trong tay, đầy những điều gớm

ghiếc và ô uế: ... và trên trán nàng có ghi một tên: Huyền nhiệm, Ba-by-lôn Vĩ Đại, mẹ của các dân phụ.' Nhà tiên tri nói: 'Tôi thấy người đàn bà ấy say máu các thánh đồ, và máu các vị tử đạo của Chúa Giê-su.' Ba-by-lôn còn được tuyên bố là 'thành phố lớn ấy, đang cai trị các vua trên đất.' Khải Huyền 17:4-6, 18. Quyền lực đã suốt bao thế kỷ duy trì ách thống trị chuyên chế trên các quân vương trong thế giới Kitô giáo chính là La Mã." Cuộc Tranh Chấp Vĩ Đại, 382.

Tyre là Giáo hội Công giáo La Mã trong "những ngày cuối cùng". Vào lúc ấy, chế độ giáo hoàng sẽ đi ra và cất lên những khúc hát quyến dụ của mình cho các vua trên đất, qua đó dẫn dắt các vua vào hành vi tà dâm, mà theo lời tiên tri là sự kết hợp giữa giáo hội và nhà nước.

Trong ngày ấy, sẽ xảy ra rằng Ty-ơ sẽ bị quên lãng bảy mươi năm, theo thời gian trị vì của một vị vua; hết bảy mươi năm, Ty-ơ sẽ hát như một gái điếm. Ê-sai 23:15.

Trong lời tiên tri Kinh Thánh, vua tượng trưng cho vương quốc, vì vậy Tyre sẽ bị lãng quên trong thời kỳ mà một vương quốc theo lời tiên tri cai trị trong bảy mươi năm.

Trong ngày ấy, Tý-ơ sẽ bị quên lãng trong bảy mươi năm, theo thời của một vua; đến khi bảy mươi năm chấm dứt, Tý-ơ sẽ ca hát như một kỹ nữ. Hãy cầm đàn hạc, đi khắp thành, hồi kỹ nữ đã bị quên lãng; hãy dạo khúc êm dịu, hát nhiều bài ca, để người ta nhớ đến ngươi. Và sau khi bảy mươi năm chấm dứt, Chúa sẽ thăm viếng Tý-ơ; nó sẽ trở lại nghề kiếm thù lao của mình, và sẽ phạm dâm với mọi vương quốc của thế gian trên mặt đất. Ê-sai 23:15-17.

Trong những ngày của một vương quốc cai trị suốt bảy mươi năm theo lời tiên tri, Giáo hội Công giáo Rôma sẽ bị lãng quên. Vào cuối bảy mươi năm ấy, quyền lực giáo hoàng sẽ "tấu nên giai điệu ngọt ngào, hát nhiều bài ca." Theo nghĩa tiên tri, một "bài ca" tượng trưng cho "kinh nghiệm."

Trên biển pha lê trước ngôi, biển thù tinh dường như hòa lẫn với lửa—rực rỡ đến thế bởi vinh quang của Đức Chúa Trời—quy tụ đoàn người đã "đắc thắng con thú, và hình tượng nó, và dấu của nó, và số của tên nó." Cùng với Chiên Con trên núi Si-ôn, "cầm những cây đàn của Đức Chúa Trời," họ đứng đó—một trăm bốn mươi bốn ngàn người đã được chuộc từ giữa loài người; và vang lên, như tiếng của nhiều dòng nước, và như tiếng sấm lớn, "tiếng của những người gảy đàn với đàn của họ." Và họ hát "một bài ca mới" trước ngôi—một bài ca không ai có thể học được ngoại trừ một trăm bốn mươi bốn ngàn người. Ấy là bài ca của Mô-se và của Chiên Con—bài ca giải cứu. Chẳng ai ngoài một trăm bốn mươi bốn ngàn có thể học bài ca ấy; vì đó là bài ca về kinh nghiệm của họ—một kinh nghiệm mà không đoàn người nào khác từng có. "Họ là những người theo Chiên Con bất cứ nơi nào Ngài đi." Những người này, đã được biến đổi khỏi đất, từ giữa những người còn sống, được kể là "trái đầu mùa dâng lên Đức Chúa Trời và cho Chiên Con." Khải Huyền 15:2, 3; 14:1-5. "Họ là những người ra khỏi con hoạn nạn lớn;" họ đã trải qua thời kỳ gian truân chưa hề có từ khi có các dân; họ đã chịu nỗi đau đớn của thời kỳ hoạn nạn của Gia-cốp; họ đã đứng vững không có Đấng cầu thay trong suốt kỳ trút đổ sau cùng các sự phán xét của Đức Chúa Trời. Nhưng họ đã được giải cứu, vì họ đã "giặt áo của mình, và làm cho áo ấy trắng trong huyết của Chiên Con." "Trong miệng họ chẳng thấy có sự dối trá: vì họ không chõ trách" trước mặt Đức Chúa Trời. "Bởi vậy họ ở trước ngôi của Đức Chúa Trời, và hầu việc Ngài ngày và đêm trong đền thờ của Ngài; và Đấng ngự trên ngôi sẽ ở giữa họ." Họ đã thấy đất bị tàn phá bởi nạn đói và dịch bệnh, mặt trời có quyền thiêu đốt người ta bằng nóng bức lớn, và chính họ đã chịu khổ, đói và khát. Nhưng "họ sẽ chẳng còn đói nữa,

cũng chẳng còn khát nữa; mặt trời cũng chẳng chiếu trên họ, cũng chẳng có nóng bức nào. Vì Chiên Con ở giữa ngôi sẽ chặn đất họ, và đưa họ đến các suối nước sự sống; và Đức Chúa Trời sẽ lau ráo mọi giọt lệ khỏi mắt họ.” Khải Huyền 7:14-17. Cuộc Đại Tranh Chấp, 648.

“Trong đền thờ của Ngài, mọi người đều nói về vinh quang của Ngài’ (Thi Thiên 29:9), và bài ca mà những người được chuộc sẽ hát—bài ca về kinh nghiệm của họ—sẽ bày tỏ vinh quang của Đức Chúa Trời: ‘Lớn lao và diệu kỳ thay các công việc của Ngài, lạy Chúa là Đức Chúa Trời, Đấng Toàn Năng; công chính và chân thật thay các đường lối của Ngài, hỡi Vua của muôn đời. Ai lại chẳng kính sợ, lạy Chúa, và tôn vinh danh Ngài? vì chỉ một mình Ngài là thánh.’ Khải Huyền 15:3, 4, R.V.” Giáo Dục, 308.

Vào cuối bảy mươi năm tiên tri, Quyền Giáo hoàng sẽ “tấu giai điệu êm dịu, hát nhiều bài ca, hầu cho” nó “được ghi nhớ.” Đến cuối thời kỳ của vương quốc cai trị trong bảy mươi năm tiên tri, Giáo hội Công giáo La Mã sẽ nhắc thế giới nhớ lại kinh nghiệm trong lịch sử quá khứ của mình. Trong lịch sử ấy, Giáo hội cai trị với tư cách là thẩm quyền đạo đức trong mối quan hệ giữa mình và các vua châu Âu. Giai đoạn đó được gọi đúng là Thời kỳ Tăm Tối, và mọi bóng tối có thể gắn với thời kỳ khi Quyền Giáo hoàng cai trị trên các vua châu Âu đều có thể quy về chính hành động nền tảng đã tạo ra mọi bóng tối về sau. Hành động ấy là sự kết hợp giữa giáo hội và nhà nước, sự kết hợp giữa các vua châu Âu và Giáo hội Công giáo. Trong hôn nhân theo Kinh Thánh, người nam phải cai trị người nữ; nhưng sự tà dâm diễn ra trong lịch sử ấy lại đảo ngược trật tự chân chính của mối quan hệ giữa nam và nữ.

Đến cuối bảy mươi năm sẽ xảy ra một cuộc khủng hoảng lớn, khi vương quốc theo lời tiên tri Kinh Thánh—vương quốc đã cai trị thế giới trong thời kỳ quyền Giáo hoàng bị lãng quên theo lời tiên tri—đi đến hồi kết. Cuộc khủng hoảng toàn cầu do sự sụp đổ của vương quốc ấy gây ra mở đường cho Giáo hội Công giáo bắt đầu thông báo với thế giới rằng, để lèo lái qua thời kỳ khốn khó do sự sụp đổ của vương quốc ấy tạo nên, thế giới phải quy phục thẩm quyền đạo đức của Giáo hội Công giáo Rôma, như được minh họa trong lịch sử Thời Trung Cổ Tăm Tối.

Khi vương quốc chấm dứt và chế độ giáo hoàng cất lên bài ca về kinh nghiệm quá khứ của mình, một kinh nghiệm mà các sử gia gọi là tăm tối, thì làm sao lịch sử tăm tối ấy lại có thể trở thành một thông điệp để chế độ giáo hoàng chia sẻ với các vua trên đất, khiến họ bị thuyết phục mà phạm tà dâm với nàng? Trong một cuộc khủng hoảng lớn, vì sao kinh nghiệm của các thời đại đã qua (bài ca của nàng), tức kinh nghiệm của nàng trước khi nàng bị lãng quên theo lời tiên tri, lại có thể cung cấp lý lẽ để các vua trên đất chấp nhận kinh nghiệm tăm tối như lời giải cho cuộc khủng hoảng lớn của họ?

Một tầng lớp đông đảo, thậm chí cả những người không có thiện cảm với Giáo hội La Mã, cũng hầu như không thấy nguy hiểm nào từ quyền lực và ảnh hưởng của nó. Nhiều người cho rằng bóng tối trí tuệ và đạo đức ngự trị trong thời Trung Cổ đã tạo thuận lợi cho sự lan rộng của các giáo điều, mê tín và sự áp bức của nó; và rằng trình độ hiểu biết cao hơn của thời hiện đại, sự phổ biến rộng rãi của tri thức, cùng với xu hướng ngày càng cởi mở trong các vấn đề tôn giáo, sẽ ngăn chặn sự phục hồi của tinh thần bất khoan dung và chuyên chế. Ngay ý nghĩ rằng một tình trạng như thế sẽ tồn tại trong thời đại khai sáng này cũng bị đem ra chế giễu. Đúng là ánh sáng lớn về trí tuệ, đạo đức và tôn giáo đang chiếu rọi trên thế hệ này. Trong

những trang mở của Lời Thánh của Đức Chúa Trời, ánh sáng từ trời đã chiếu rọi khắp thế gian. Nhưng cần nhớ rằng ánh sáng được ban càng lớn, thì sự tối tăm của những kẻ bóp méo và khước từ nó càng sâu dày.

Một sự nghiên cứu Kinh Thánh trong tinh thần cầu nguyện sẽ cho người Tin Lành thấy rõ bản chất thật của Giáo hoàng chế và khiến họ ghê tởm và tránh xa nó; nhưng nhiều người tự cho mình là khôn ngoan đến nỗi họ cảm thấy không cần khiêm nhường tìm kiếm Đức Chúa Trời để được dẫn dắt vào lẽ thật. Dù tự hào về sự khai sáng của mình, họ lại dốt nát đối với cả Kinh Thánh lẫn quyền năng của Đức Chúa Trời. Họ phải có một phương tiện nào đó để làm yên lương tâm, và họ tìm kiếm điều ít có tính thuộc linh và ít hạ mình nhất. Điều họ mong muốn là một phương pháp quên Đức Chúa Trời mà lại được xem như một phương pháp nhớ đến Ngài. Giáo hoàng chế rất thích hợp để đáp ứng nhu cầu của tất cả những người như vậy. Nó được chuẩn bị cho hai hạng người trong nhân loại, bao trùm gần như cả thế giới—những kẻ muốn được cứu nhờ công đức của mình, và những kẻ muốn được cứu trong tội lỗi của mình. Đây là bí quyết quyền lực của nó.

Một thời kỳ tăm tối trí tuệ sâu dày đã được chứng tỏ là thuận lợi cho sự thành công của chế độ giáo hoàng. Rồi sẽ còn được chứng minh rằng một thời kỳ ánh sáng trí tuệ rực rỡ cũng thuận lợi như thế cho sự thành công của nó. Trong các thời đại trước, khi người ta thiếu lời của Đức Chúa Trời và không có tri thức về lẽ thật, mắt họ bị bịt kín, và hàng ngàn người đã mắc bẫy, không nhìn thấy chiếc lưới giăng sẵn dưới chân mình. Trong thế hệ này, có nhiều người bị loá mắt bởi hào quang của những suy đoán của loài người, ‘khoa học giả danh’; họ không nhận ra cái lưới và bước vào đó dễ dàng chẳng khác nào bị bịt mắt. Đức Chúa Trời định rằng năng lực trí tuệ của con người phải được xem như một ân tứ từ Đấng Tạo Hóa và được dùng để phục vụ lẽ thật và sự công chính; nhưng khi kiêu ngạo và tham vọng được nuôi dưỡng, và người ta tôn cao các lý thuyết của mình hơn lời Đức Chúa Trời, thì trí tuệ có thể gây hại lớn hơn cả sự dốt nát. Vì thế, thứ ‘khoa học’ giả dối của thời nay, vốn làm suy yếu đức tin nơi Kinh Thánh, sẽ tỏ ra thành công không kém trong việc dọn đường cho sự chấp nhận chế độ giáo hoàng, với những hình thức ưa nhìn của nó, như việc cấm đoán tri thức đã từng mở đường cho sự bành trướng của nó trong Thời Kỳ Tăm Tối. Đại Tranh Chiến, 572.

Người Công giáo La Mã thừa nhận rằng sự thay đổi về ngày Sa-bát là do Giáo hội của họ thực hiện, và họ viện dẫn chính sự thay đổi này như một bằng chứng cho quyền bính tối thượng của Giáo hội. Họ tuyên bố rằng bằng việc giữ ngày thứ nhất trong tuần làm ngày Sa-bát, những người Tin Lành đang thừa nhận quyền lực của Giáo hội trong việc lập pháp về những điều thiêng liêng. Giáo hội La Mã chưa từ bỏ yêu sách về tính bất khả ngộ của mình; và khi thế giới cùng các hội thánh Tin Lành chấp nhận một ngày Sa-bát giả mạo do Giáo hội ấy đặt ra, trong khi họ từ bỏ ngày Sa-bát của Đức Giê-hô-va, thì thực chất họ đang thừa nhận yêu sách này. Họ có thể viện dẫn thẩm quyền cho sự thay đổi này, nhưng sự nguy hiểm trong lập luận của họ rất dễ nhận ra. Người theo Giáo hoàng đủ sắc sảo để thấy rằng những người Tin Lành đang tự lừa dối mình, cố tình nhắm mắt trước các sự kiện trong vấn đề này. Khi thiết chế ngày Chủ nhật dần được ưa chuộng, ông ta vui mừng, tin chắc rằng rồi cuối cùng điều đó sẽ đưa toàn bộ thế giới Tin Lành về dưới ngọn cờ của Rôma.

Việc thay đổi ngày Sa-bát là dấu hiệu hay dấu ấn của thẩm quyền của Giáo hội La Mã. Những ai, hiểu rõ những yêu cầu của điều răn thứ tư, mà chọn giữ ngày Sa-bát giả thay cho ngày Sa-bát thật, thì qua đó đang tỏ lòng tôn kính quyền lực duy nhất đã truyền dạy điều đó. Dấu của con thú là ngày Sa-bát của giáo hoàng, đã được thế giới chấp nhận thay cho ngày do Đức Chúa Trời ấn định.

Nhưng thời điểm nhận lãnh dấu của con thú, như được chỉ ra trong lời tiên tri, vẫn chưa đến. Thời kỳ thử thách vẫn chưa đến. Có những Cơ Đốc nhân chân thật trong mọi Hội thánh, không loại trừ cộng đồng Công giáo La Mã. Không ai bị kết án cho đến khi họ đã nhận được ánh sáng và thấy được bản phận của điều răn thứ tư. Nhưng khi sắc lệnh được ban ra áp đặt việc giữ ngày Sa-bát giả mạo, và khi tiếng kêu lớn của thiên sứ thứ ba cảnh cáo loài người chống lại sự thờ lạy con thú và hình tượng của nó, ranh giới giữa giả và thật sẽ được vạch rõ ràng. Bấy giờ những ai vẫn tiếp tục vi phạm sẽ nhận lãnh dấu của con thú trên trán hoặc trên tay họ.

Với những bước nhanh, chúng ta đang tiến gần đến thời kỳ này. Khi các hội thánh Tin Lành liên hiệp với quyền lực thế tục để ủng hộ một tôn giáo giả dối, mà vì chống đối tôn giáo ấy tổ tiên họ đã phải chịu những cuộc bách hại khốc liệt nhất, thì ngày Sa-bát của giáo hoàng sẽ bị cưỡng bách thi hành bởi thẩm quyền kết hợp của giáo hội và nhà nước. Sẽ có một sự bội đạo cấp quốc gia, và điều đó chỉ kết thúc bằng sự suy vong của quốc gia. Trường Huấn luyện Kinh Thánh, ngày 2 tháng 2 năm 1913.

Đến giờ, chúng ta đã đề cập đến năm trong số các biểu tượng mà chúng ta đang tìm cách xác định, trước khi bàn luận đầy đủ về chính chương này. Trong lời tiên tri Kinh Thánh, một thành phố là một vương quốc, và trong Ê-sai 23 có hai vương quốc có liên hệ mật thiết nhưng khác biệt rõ ràng. Vương quốc thứ nhất là “thành đội vương miện” và vương quốc kia là “thành phố thương mại.” Trong những ngày sau rốt, quyền lực nắm quyền kiểm soát liên minh ba phần của con rồng, con thú và tiên tri giả là chế độ giáo hoàng. Đó là vương quốc có vương miện.

"Khi chúng ta tiến gần đến cuộc khủng hoảng cuối cùng, điều tôi quan trọng là giữa các khí cụ của Chúa phải có sự hòa hợp và hiệp nhất. Thế giới đầy dẫy bão tố, chiến tranh và bất hòa. Thế nhưng, dưới một quyền lãnh đạo—quyền lực giáo hoàng—mọi người sẽ hiệp lại để chống đối Đức Chúa Trời qua những nhân chứng của Ngài. Sự liên minh này được kẻ bội đạo lớn gắn kết. Trong khi hấn tìm cách hiệp nhất các tay sai của mình để gây chiến chống lại lẽ thật, hấn cũng sẽ làm việc để chia rẽ và làm tan tác những người bên vực lẽ thật. Lòng ghen tị, những ngờ vực ác ý, lời nói xấu, đều do hấn xúi giục để gây ra bất hòa và chia rẽ." Testimonies, quyển 7, 182.

Vương quốc mang vương miện là Tyre, có nghĩa là “một tảng đá.” Trong chương này Tyre đại diện cho chế độ giáo hoàng hoạt động nhằm giả mạo Đấng Christ, vì chế độ giáo hoàng là kẻ chống Chúa Kitô. Từ “anti” trong “antichrist” có nghĩa là “thay cho.” Chế độ giáo hoàng tìm cách giả mạo Đấng Christ ở mọi cấp độ, và tên Tyre có nghĩa là đá, vì chế độ giáo hoàng là bản giả mạo của “Vàng Đá muôn đời.”

Ai đã lập mưu này nghịch cùng Ty-ơ, thành đội mào triều thiên, nơi các thương gia là vương hầu, các nhà buôn của nó là những người cao quý trên đất? Đức Giê-hô-va vạn quân đã định như vậy, để làm ô uế niềm kiêu hãnh của mọi vinh quang và khiến mọi người cao quý trên đất

bị khinh bỉ. Hồi con gái Ta-rê-si, hãy đi qua xứ ngươi như một con sông; không còn sức mạnh nữa. Ngài đã giơ tay mình ra trên biển, Ngài đã làm rung chuyển các vương quốc; Đức Giê-hô-va đã truyền lệnh nghịch cùng thành buôn bán, để phá hủy các đôn lũy của nó. Ê-sai 23:8-11.

Chúng tôi dự định chứng minh qua nhiều nhân chứng rằng "sự rung chuyển của các vương quốc" được Đức Chúa Trời thực hiện, qua Hồi giáo. Hồi giáo là quyền lực khiến các dân tộc phần nọ và được dùng để làm rung chuyển các dân tộc. Tại điểm này, chúng tôi xác định rằng Chúa đã định làm cho "mọi người đáng kính trên đất"—là những "thương gia" và "kẻ buôn bán"—bị khinh bỉ; các "thành lũy" của họ sẽ bị phá hủy. Thành phố thương mại và thành phố đội vương miện "đã khơi dậy sự bất bình của trời" và Chúa đã định phá hủy các "thành lũy" của họ, và điều đó tượng trưng cho nền kinh tế. Sự sụp đổ của nền kinh tế xảy ra trước luật Chủ nhật tại Hoa Kỳ, vì trước luật Chủ nhật, công dân Hoa Kỳ đang đòi hỏi được trở lại "ân huệ của Đức Chúa Trời và sự thịnh vượng trần thế." Lập luận của họ là các sự phán xét của Đức Chúa Trời sẽ không chấm dứt cho đến khi ngày Chủ nhật được "thi hành nghiêm ngặt." Nhiều nhân chứng Kinh Thánh đồng ý rằng chúng ta đang ở bờ vực của một cú sụp đổ khủng khiếp trong nền kinh tế thế giới. Cú sụp đổ đó xảy ra trước luật Chủ nhật, cũng như cuộc khủng hoảng năm 1837 đã xảy ra trước ngày 22 tháng 10 năm 1844.

“Rồi kẻ lừa dối lớn sẽ thuyết phục người ta rằng những người phục vụ Đức Chúa Trời đang gây ra các tai họa này. Hạng người đã chọc giận Trời sẽ đổ hết mọi tai ương của họ lên những người mà sự vâng phục các điều răn của Đức Chúa Trời là một lời quở trách thường hằng đối với kẻ vi phạm. Người ta sẽ tuyên bố rằng loài người xúc phạm Đức Chúa Trời vì vi phạm ngày Sa-bát Chủ nhật; rằng tội lỗi này đã mang đến những tai họa sẽ không chấm dứt cho đến khi việc tuân giữ ngày Chủ nhật được áp đặt nghiêm ngặt; và rằng những người nêu lên các yêu sách của điều răn thứ tư, qua đó phá hủy lòng tôn kính đối với ngày Chủ nhật, là kẻ gây rối cho dân, ngăn cản sự phục hồi ân huệ của Đức Chúa Trời và sự thịnh vượng trần thế. Như vậy, lời cáo buộc xưa kia chống lại đầy tớ của Đức Chúa Trời sẽ được lặp lại, và trên những cơ sở tương tự cũng vững chắc không kém: ‘Và xảy ra rằng, khi Ahab thấy Elijah, Ahab nói với người: Có phải ngươi là kẻ khuấy rối Israel chăng? Người đáp: Ta không khuấy rối Israel; nhưng chính ngươi, và nhà cha ngươi, bởi vì các ngươi đã bỏ các điều răn của Chúa, và ngươi đã theo Baalim.’ 1 Kings 18:17, 18. Khi con thịnh nộ của dân chúng bị kích động bởi những lời cáo buộc sai trái, họ sẽ có cách cư xử đối với các sứ giả của Đức Chúa Trời rất giống với cách mà Israel bội đạo đã đối xử với Elijah.” The Great Controversy, 590.

Sự kiện Ê-li đối đầu với các tiên tri của Baal và các tư tế của lùm cây trên núi Cạt-men tượng trưng cho luật ngày Chủ nhật. Sứ điệp dành cho hội thánh là: “Hãy chọn hôm nay ngươi sẽ phục vụ ai.” Khi lịch sử này được lặp lại tại thời điểm luật ngày Chủ nhật, câu hỏi là: “Ngươi sẽ chọn ngày nào, vì ngày ngươi chọn cho thấy ngươi phục vụ ai.” Trước sự kiện trên núi Cạt-men, đã có ba năm rưỡi hạn hán nghiêm trọng. Trước luật ngày Chủ nhật, sẽ có một loạt các luật ngày Chủ nhật, nhưng chúng chưa được “thi hành nghiêm ngặt.” Nguyên tắc gắn với luật ngày Chủ nhật là: sự bội đạo của quốc gia sẽ dẫn đến sự suy vong của quốc gia. Một ví dụ là Constantine, vào năm 321 đã ban hành một luật ngày Chủ nhật, và chẳng bao lâu sau, bốn hồi kèn đầu tiên trong Khải Huyền chương tám bắt đầu đưa La Mã Tây phương đến hồi kết vào năm 476. Câu chuyện về Constantine quan

trọng vì nó bao gồm việc tôn cao ngày Chủ nhật một cách từng bước, đồng thời áp đặt từng bước các hạn chế đối với ngày Sa-bát thứ bảy. Tiến trình đó đạt đến kết cục khi dân chúng bị buộc phải giữ ngày Chủ nhật hoặc bị bách hại vì giữ ngày Sa-bát. Đó cũng là kết cục của quá trình gia tăng luật lệ về ngày Chủ nhật tại Hoa Kỳ. Một nguyên tắc gắn liền với việc cưỡng bách thờ phượng ngày Chủ nhật là: “sự bội đạo của quốc gia sẽ bị theo sau bởi sự suy vong của quốc gia.” Nguyên tắc này có nghĩa là việc gia tăng thi hành các luật ngày Chủ nhật sẽ dẫn đến sự gia tăng các sự phán xét của Đức Chúa Trời, trước khi đến luật ngày Chủ nhật thực sự được nêu trong Khải Huyền mười ba câu mười một. Mỗi sắc lệnh được ban ra sẽ kéo theo một sự suy vong tương ứng. Những sự đoán phạt mà dân chúng cáo buộc là do những người giữ ngày Sa-bát gây ra thực ra lại do việc thi hành ngày càng gay gắt các luật lệ về ngày Chủ nhật tạo nên. Chúng tôi đã kèm một đoạn trích từ tác phẩm Đại Tranh Chiến, mà tôi đặt tựa là Sự Tiến Triển của Ngày Chủ nhật. Tôi khuyên bạn đọc lại đoạn ấy một lần nữa. Nó nằm trong mục có tựa đề Thần Linh của Lời Tiên Tri.

Đức Chúa Trời đã bày tỏ những điều sẽ xảy ra trong những ngày sau rốt, để dân Ngài được chuẩn bị đứng vững trước cơn bão tố của sự chống đối và cơn thịnh nộ. Những người đã được cảnh báo về các biến cố ở phía trước không được ngồi yên bình chờ đợi cơn bão sắp đến, tự an ủi rằng Chúa sẽ che chở những người trung tín của Ngài trong ngày hoạn nạn. Chúng ta phải như những người đợi Chúa mình, không phải trong sự mong đợi biếng nhác, nhưng trong công việc sốt sắng, với đức tin không lay chuyển. Bây giờ không phải là lúc để tâm trí chúng ta bị cuốn vào những điều thứ yếu. Trong khi người ta đang ngủ, Sa-tan đang tích cực sắp đặt mọi việc để dân của Chúa không có lòng thương xót hay công lý. Phong trào Ngày Chủ nhật hiện đang tiến bước trong bóng tối. Các lãnh đạo đang che giấu vấn đề thật sự, và nhiều người hiệp vào phong trào cũng tự họ không thấy dòng chảy ngầm đang hướng về đâu. Những lời tuyên xưng của nó thì ôn hòa và bề ngoài có vẻ Cơ Đốc, nhưng khi nó lên tiếng, nó sẽ bộc lộ tinh thần của con rồng. Bôn phận của chúng ta là làm hết mọi điều trong khả năng để ngăn chặn mối nguy đang đe dọa. Chúng ta nên nỗ lực hóa giải thành kiến bằng cách trình bày đúng đắn về chính mình trước dân chúng. Chúng ta nên đưa ra trước họ vấn đề thật sự đang được đặt ra, qua đó nêu lên sự phản đối hữu hiệu nhất đối với những biện pháp nhằm hạn chế tự do lương tâm. Chúng ta nên tra xét Kinh Thánh và có thể đưa ra lý do cho đức tin của mình. Nhà tiên tri nói: “Kẻ ác sẽ làm điều ác; chẳng ai trong bọn ác sẽ hiểu biết; nhưng người khôn ngoan sẽ hiểu biết.” Lời chúng, tập 5, trang 452.

Thật khó nhận ra phong trào nhằm ban hành luật ngày Chủ nhật, vì nó đang len lỏi tiến hành trong "bóng tối" và giáo hoàng quyền đang "lén lút và không ai ngờ" "cùng cố lực lượng để thúc đẩy các mục đích riêng của mình." Đó là một thực tế rằng công cuộc thông qua luật ngày Chủ nhật trong bóng tối là một vấn đề then chốt trong tiến trình thử luyện của một trăm bốn mươi bốn nghìn. "Không ai trong những kẻ ác sẽ hiểu" theo Daniel và Bà White. Những "kẻ ác" trong Daniel là "các trinh nữ đại" của Ma-thi-ơ, mà Bà White xác định là những người La-ô-đi-xê. Những người khôn ngoan sẽ hiểu các sự kiện hiện đang diễn ra, dù những diễn biến lịch sử quanh chúng ta có vẻ mâu thuẫn với lời Đức Chúa Trời. Chúng ta tin lời Đức Chúa Trời hay những gì đang xảy ra quanh mình? Dầu vậy, chúng ta đã được cảnh báo trước rằng thời cuối cùng sẽ như các ngày của Nô-ê.

Thế gian, đầy dẫy những cuộc ăn chơi trác táng, đầy dẫy những khoái lạc vô thần, đang ngủ mê, ngủ mê trong sự an ổn theo xác thịt. Người ta cho rằng ngày Chúa đến còn xa lắm. Họ

nhạo báng các lời cảnh cáo. Họ khoe khoang kiêu ngạo rằng, 'Mọi sự vẫn cứ như từ buổi ban đầu.' 'Ngày mai sẽ như hôm nay, lại còn dư dật hơn nữa.' 2 Phi-e-rơ 3:4; Ê-sai 56:12. Chúng ta sẽ đắm sâu hơn trong việc yêu chuộng khoái lạc. Nhưng Đấng Christ phán, 'Này, Ta đến như kẻ trộm.' Khải Huyền 16:15. Ngay lúc thế gian nhạo báng hỏi, 'Lời hứa về sự đến của Ngài ở đâu?' thì các dấu hiệu đang ứng nghiệm. Khi họ kêu, 'Bình an và yên ổn,' thì sự hủy diệt bất ngờ đang đến. Khi kẻ nhạo báng, kẻ khước từ lẽ thật, đã trở nên cả gan; khi công việc thường nhật trong các ngành kiếm tiền được tiến hành mà không màng đến nguyên tắc; khi sinh viên háo hức tìm kiếm tri thức về mọi điều trừ Kinh Thánh của mình, thì Đấng Christ đến như kẻ trộm.

Mọi sự trên thế gian đều đang xao động. Các dấu hiệu của thời cuộc mang điềm xấu. Những biến cố sắp xảy ra đều có bóng báo trước. Thần của Đức Chúa Trời đang rút khỏi trần gian, và tai họa nối tiếp tai họa, cả trên biển lẫn trên đất liền. Có bão tố, động đất, hỏa hoạn, lũ lụt, những vụ giết người đủ mọi hạng. Ai có thể biết trước tương lai? Sự an toàn ở đâu? Không có sự bảo đảm nào nơi những gì thuộc về con người hay thuộc về trần thế. Người ta đang nhanh chóng tập hợp dưới ngọn cờ mà họ đã chọn. Họ bồn chồn chờ đợi và dõi theo các động thái của những người lãnh đạo mình. Có những người đang chờ đợi, canh thức và làm việc vì sự xuất hiện của Chúa chúng ta. Một nhóm khác thì xếp vào hàng ngũ dưới quyền tổng chỉ huy của kẻ bội đạo lớn đầu tiên. Ít ai tin hết lòng hết dạ rằng chúng ta có một địa ngục cần tránh và một thiên đàng để đạt được.

Cuộc khủng hoảng đang âm thầm từng bước tiến đến với chúng ta. Mặt trời vẫn chiếu sáng trên bầu trời, đi theo vòng quay thường lệ của nó, và các tầng trời vẫn rao truyền vinh hiển của Đức Chúa Trời. Người ta vẫn ăn uống, gieo trồng và xây cất, cưới vợ gả chồng. Các thương nhân vẫn mua bán. Người ta vẫn xô đẩy nhau, tranh giành địa vị cao nhất. Những kẻ mê lạc thú vẫn chen chúc đến rạp hát, trường đua ngựa, các sòng bạc. Sự sôi động tột độ đang ngự trị, thế nhưng giờ ân huệ đang nhanh chóng khép lại, và mọi số phận sắp được định đoạt đời đời. Sa-tan thấy rằng thời gian của hắn chẳng còn bao lâu. Hắn đã tung ra mọi lực lượng của mình để khiến người ta bị lừa dối, mê muội, bận bịu và mê hoặc, cho đến khi thời kỳ ân huệ chấm dứt và cánh cửa thương xót vĩnh viễn khép lại.

Trang nghiêm, qua các thế kỷ, lời cảnh cáo của Chúa chúng ta từ Núi Ô-liu vọng đến chúng ta: "Hãy giữ mình, kẻo có lúc lòng các ngươi nặng nề vì chèn chèn quá độ, say sưa và những lo lắng của đời này, đến nỗi ngày ấy chợt đến trên các ngươi cách không ngờ." "Vậy hãy tỉnh thức và cầu nguyện luôn, để các ngươi được kể là xứng đáng thoát khỏi hết thảy mọi điều sẽ xảy đến, và được đứng trước mặt Con Người." Desire of Ages, 635, 636.

Trong chương hai mươi ba của sách Isaiah, Zidon là Hoa Kỳ và Tyre là giáo hoàng quyền. Tyre và Zidon là những thành phố Phê-ni-xi cổ đại cùng thời, nằm trên bờ Địa Trung Hải. Họ nổi tiếng về thương mại hàng hải, sự giàu có và tầm ảnh hưởng trong thế giới cổ đại. Zidon và các "thương nhân" của nó đã cung ứng cho Tarshish trong đoạn này. Các thương nhân của Zidon buôn bán "hạt giống của Sihor," tức là "mùa gặt của một con sông," và là "hoa lợi của con sông," và đó là "nguồn thu của nó," vì nó là "chợ của các dân tộc." Tất cả các nhà tiên tri đều nói về thời tận thế, vậy ai là chợ của các dân tộc vào thời cuối cùng? Chính là Hoa Kỳ.

Sihor là một con sông ở Ai Cập (có lẽ là châu thổ sông Nile) và được dùng để đại diện cho sự giàu có của thế gian, vì Ai Cập là thế gian. "Con gái đồng trinh" của Zidon đại diện cho thế hệ cuối cùng của Hoa Kỳ, và nàng bị áp bức bởi thiết quân luật đi kèm với luật Chủ nhật và sự suy vong quốc gia ngay sau đó. Những trinh nữ của Zidon bị quở trách bởi câu hỏi liên quan đến Tyre rằng, "đây có phải là thành phố vui mừng của các người" (vương quốc) mà Hoa Kỳ đã hân hoan về nó chăng? Có phải "đây là vương quốc 'có niên đại từ những ngày xa xưa,' khi theo đoạn văn nó được Nimrod lập nên ngay sau trận lụt"?

Đức Chúa Trời đã quyết định và "định ý" sẽ trừng phạt "Tyre, thành đội vương miện". Sự trừng phạt đối với giáo quyền La Mã bao gồm sự sụp đổ của cơ cấu tài chính của thế giới, vì "Chúa đã ban" "một mệnh lệnh chống lại" "Zidon" "thành phố buôn bán," (Hoa Kỳ.) Mệnh lệnh của Ngài "để phá hủy các thành lũy," tức là nền kinh tế của Hoa Kỳ, chính là điều răn về ngày Sa-bát, vì bội đạo quốc gia kéo theo diệt vong quốc gia.

Sự trừng phạt của chế độ giáo hoàng bắt đầu bằng sự sụp đổ kinh tế của toàn thế giới như hệ quả của việc nền kinh tế Hoa Kỳ bị phá hủy. Zidon có một "nhà" gắn liền với nền kinh tế của nó, qua đó tượng trưng cho một cấu trúc tài chính bị phá hủy, vì không ai còn có thể vào đó nữa. Không còn đầu tư hay lợi nhuận nào từ "ngôi nhà" đó nữa, vì nó đã bị phá hủy. Sự hủy diệt diễn ra khi luật Chủ nhật được ban hành, dù trước luật Chủ nhật đã có những sự phán xét leo thang. Khi sự sụp đổ ập đến, chế độ giáo hoàng, Hoa Kỳ với các ông hoàng thương mại và những nhà buôn danh giá của nó, cùng các tàu của Tarshish sẽ "kêu than."

Vị trí của "Tarshish" trong đoạn văn gắn liền với sự giàu có thời cổ đại, và các con tàu của Tarshish trong Kinh Thánh là biểu tượng hàng đầu của sức mạnh kinh tế.

Vì tàu thuyền của vua đi đến Tarshish cùng với các tô tó của Hiram; cứ ba năm một lần, các tàu của Tarshish đến, mang theo vàng, bạc, ngà voi, khí và chim công. Và vua Solomon vượt trội tất cả các vua trên đất về giàu có và khôn ngoan. 2 Sử ký 9:21, 22.

Các con tàu tượng trưng cho sức mạnh kinh tế, và Tarshish là con tàu kinh tế hàng đầu trong lời tiên tri Kinh Thánh. Thế hệ cuối cùng của Tarshish, được đại diện bởi "con gái" của Tarshish, được bảo hãy "đi qua xứ người như một con sông", và điều nàng nhận ra là xứ nàng "không còn sức mạnh nữa", và không còn có thể "vui mừng" vì vương quốc Tyre. Sức mạnh họ tìm kiếm chính là sức mạnh kinh tế thuở trước của Zidon, nhưng điều ấy đã không còn, vì biển đã phán "rằng: Ta không quận đau sinh nở, cũng không sinh con; ta cũng chẳng nuôi dưỡng trai trẻ, cũng chẳng nuôi dạy trinh nữ", qua đó xác định thế hệ cuối cùng của biển, tức là các dân trên thế giới đang than khóc sự sụp đổ của nền kinh tế thế giới, và vào thời điểm ấy, người ta trên khắp thế giới bừng tỉnh trước thực tế rằng họ là thế hệ cuối cùng trong lịch sử trái đất, và đã quá muộn để chuẩn bị cho sự sống đời đời.

"Tiền sẽ sớm mất giá trị một cách rất đột ngột khi thực tại của những cảnh tượng vĩnh cửu được mở ra cho giác quan của con người." Evangelism, 62.

Có hai "bản tin" hay thông điệp gây đau đớn cho mọi người trong đoạn này. "Bản tin" thứ nhất liên quan đến Ai Cập và "bản tin" thứ hai là về Tyre. Bản tin về Ai Cập được nói ở thì quá khứ, vì

Isaiah nói, "như khi có tin về Ai Cập," qua đó cho thấy rằng Đức Chúa Trời đã làm điều gì đó với Ai Cập trước khi Ngài hủy diệt Zidon (the USA.) Điều Đức Chúa Trời đã làm với Ai Cập, điều đó cũng đại diện cho "bản tin" của Ai Cập, là Ngài đã hủy diệt Ai Cập trong mối liên hệ với lần đầu tiên Đức Chúa Trời lập giao ước với một dân được chọn. Hai bản tin là cùng một "bản tin." Bản tin về Ai Cập là phần khởi đầu và bản tin về Tyre là phần kết thúc. Đấng Alpha và Omega đã minh họa giao ước với một trăm bốn mươi bốn nghìn trong những ngày cuối cùng bằng lịch sử khởi đầu của chủ đề đó. "Bản tin" về Ai Cập là sự giải cứu tại Biển Đỏ khi Pharaoh và đạo quân của ông bị tiêu diệt, điều này tiêu biểu cho sự giải cứu cuối cùng của dân Đức Chúa Trời, như được thể hiện qua "bản tin" là "gánh nặng của Tyre."

Thế lực được Kinh Thánh mô tả là phá hủy những con tàu của Ta-rê-si chính là Hội giáo. Chủ đề Hội giáo sẽ được đề cập sau, nên chúng ta sẽ bàn đến đầy đủ hơn vào thời điểm khác. Trong đoạn ấy, nó được gọi là "Chittim", một từ cổ chỉ đảo Síp, và đoạn văn nói rằng sự hủy diệt của Si-đôn và Ty-rơ được bày tỏ từ "Chittim". Biểu tượng của Hội giáo bao gồm một minh họa rất cụ thể về sự hủy diệt của Hoa Kỳ trong lời tiên tri Kinh Thánh.

Điều quan trọng là phải chú ý đến các ngày và năm được nhắc đến trong sách Ê-sai, vì chúng thường xác định thời điểm tiên tri của đoạn văn tiếp theo. Ê-sai chương hai mươi ba theo sau "gánh nặng" về thung lũng khai tượng ở chương hai mươi hai; trước đó là chương hai mươi một, có ba "gánh nặng", và cả ba đều chỉ về Hội giáo. Trước chương đó, ở câu một của chương hai mươi, bối cảnh lịch sử tiên tri được nêu ra, nơi các lời tiên tri về tai họa sau đó được xác định trong các chương tiếp theo.

Năm Tartan đến Ashdod (khi Sargon, vua A-si-ri, sai ông đi), ông đánh trận chống lại Ashdod và chiếm lấy nó. Ê-sai 20:1.

Từ "Tartan" có thể là một tên riêng, hoặc rất có thể là một tước hiệu của một chỉ huy quân sự. Tartan đã đến Ashdod, một thành ở Ai Cập, và chiếm lấy nó trong giai đoạn lịch sử khi người Assyria đang từng bước giành quyền kiểm soát thế giới. Assyria là hình bóng của Babylon. Cả Assyria và Babylon đều là các vương quốc đến từ phương bắc, những vương quốc được ví như "sư tử" đã "làm tan tác" bày chiên của Đức Chúa Trời, và cả hai đều nhận cùng một hình phạt. Assyria là trước, Babylon là sau cùng.

Y-sơ-ra-ên là một con chiên bị tán lạc; các sư tử đã xua đuổi nó đi: trước hết, vua A-si-ri đã nuốt nó; và sau cùng, chính Nê-bu-cát-nét-sa, vua Ba-by-lôn, đã bẻ gãy xương cốt nó. Vì vậy, Đức Giê-hô-va vạn quân, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: Này, ta sẽ trừng phạt vua Ba-by-lôn và xứ sở của người, như ta đã trừng phạt vua A-si-ri. Giê-rê-mi 50:17, 18.

Theo lời tiên tri, cả hai đều là "kẻ A-si-ri kiêu ngạo."

"Khi Sennacherib, người A-si-ri kiêu ngạo, sỉ nhục và phạm thượng Đức Chúa Trời, và đe dọa hủy diệt Israel, 'đêm ấy, thiên sứ của Đức Giê-hô-va đã đi ra và đánh chết trong trại quân A-si-ri một trăm tám mươi lăm nghìn người.' Trong đạo quân của Sennacherib, 'tất cả các dũng sĩ, cùng các lãnh đạo và các quan chỉ huy đều bị tiêu diệt.' 'Vì vậy, ông trở về xứ mình với khuôn mặt hổ thẹn.' [2 Các Vua 19:35; 2 Sử Ký 32:21.]" Cuộc Đại Tranh Chiến, 512.

Năm khi “Tartan đến Ashdod” và “chiếm lấy nó” tượng trưng cho sự chinh phục thế giới từng bước của quyền lực giáo hoàng, như được minh họa trong sáu câu cuối của Đa-ni-ên chương mười một. Lịch sử của cuộc khủng hoảng luật Chủ nhật, vốn là “những ngày sau rốt” của cuộc phán xét điều tra và dẫn thẳng vào cuộc phán xét thi hành (bảy tai vạ sau cùng), chính là bối cảnh lịch sử được biểu trưng bởi “năm” khi Tartan đến Ashdod. Khi bối cảnh lịch sử ấy đã được xác lập, Ê-sai đưa ra ba lời tiên tri về tai họa liên quan đến Hội giáo, một lời liên quan đến Cơ Đốc Phục Lâm theo tình trạng La-ô-đi-xê, rồi đến gánh nặng của Ty-rơ. Chương hai mươi bốn là một ví dụ kinh điển về bảy tai vạ sau cùng; tiếp theo là chương hai mươi lăm, trình bày sự giải cứu cuối cùng của dân Đức Chúa Trời, nơi chúng ta thấy dân Ngài bày tỏ một trong những lời tuyên bố nổi tiếng nhất trong thời kỳ hoạn nạn lớn.

Trong ngày ấy, người ta sẽ nói: Kìa, đây là Đức Chúa Trời của chúng ta; chúng ta đã trông đợi Ngài, và Ngài sẽ cứu chúng ta: đây là Chúa; chúng ta đã trông đợi Ngài, chúng ta sẽ vui mừng và hân hoan trong sự cứu rỗi của Ngài. Ê-sai 25:9.

Một trăm bốn mươi bốn nghìn là những trinh nữ khôn ngoan đã chờ Chúa của họ đến dự tiệc cưới, dù Ngài chậm đến, đúng như dụ ngôn mười trinh nữ. Họ không phải là người Laodicea; họ là người Philadelphia. Đến đây, bài viết này mới chỉ đang đặt bối cảnh.

Vào năm 1798, Napoleon bắt giữ giáo hoàng, gây ra vết thương chí tử mang tính tiên tri sẽ được chữa lành vào thời kỳ cuối cùng của thế giới theo Khải Huyền 13. Vào thời điểm đó, Hoa Kỳ chiếm vị trí vương quốc thứ sáu trong lời tiên tri Kinh Thánh theo Đa-ni-ên 2, 7, 8 và 11, và Khải Huyền 12, 13, 16, 17 và 18. Từ đó trở đi, cả sự ủng hộ chủ nghĩa cộng hòa của Hoa Kỳ lẫn sự ủng hộ Tin Lành (Cơ Đốc Phục Lâm) đều đã quên giáo triều La Mã là ai. Năm 1798 là năm đầu tiên các quốc gia còn lại trên thế giới công nhận Hoa Kỳ là một quốc gia có chủ quyền, và cũng là năm sứ điệp của thiên sứ thứ nhất xuất hiện trong lịch sử.

"Châm ngôn" của một người Kháng Cách vào thời đó là: "Kinh Thánh và chỉ Kinh Thánh." Người Kháng Cách tự nhận mình là những người bảo vệ chỉ riêng Kinh Thánh, và khi phong trào Cơ Đốc Phục Lâm tiếp nhận sứ mệnh của họ vào lúc thiên sứ thứ hai xuất hiện, họ chấp nhận "châm ngôn" ấy và về sau được gọi là "dân của sách." Họ đã được ban cho, qua chức vụ của William Miller, một bộ quy tắc mà, nếu được áp dụng đúng, sẽ mở Kinh Thánh ra cho tâm trí của tất cả những ai muốn lắng nghe. Những Quy tắc Giải nghĩa Lời Tiên Tri của Miller là điều mà sự soi dẫn nói rằng chúng ta phải nghiên cứu nếu chúng ta muốn rao truyền sứ điệp của thiên sứ thứ ba.

Chúa Kitô phán: “Nếu ai muốn theo Ta, hãy từ bỏ chính mình, vác thập tự giá mình mà theo Ta.” Ngài lại nói: “Ta là ánh sáng của thế gian; ai theo Ta sẽ không bước đi trong bóng tối.” Ánh sáng của lẽ thật đang tỏa ra như một ngọn đèn đang cháy, và những ai yêu mến ánh sáng sẽ không bước đi trong bóng tối. Họ sẽ nghiên cứu Kinh Thánh, để họ biết chắc rằng họ đang lắng nghe tiếng của Người Chấn chân thật, chứ không phải của kẻ lạ.

Những người đang rao truyền sứ điệp của thiên sứ thứ ba đang khảo cứu Kinh Thánh theo cùng phương pháp mà ông Miller đã áp dụng. Trong cuốn sách nhỏ nhan đề “Những quan điểm về các lời tiên tri và niên biểu tiên tri”, ông Miller đưa ra các quy tắc sau đây, đơn giản nhưng sáng suốt và quan trọng, cho việc nghiên cứu và giải nghĩa Kinh Thánh:

'1. Mỗi lời phải có mối liên hệ thích đáng với chủ đề được trình bày trong Kinh Thánh; 2. Mọi phần của Kinh Thánh đều cần thiết, và có thể được hiểu nhờ sự áp dụng và nghiên cứu chăm chỉ; 3. Không có điều gì được mặc khải trong Kinh Thánh có thể, hoặc sẽ, bị che giấu khỏi những người cầu xin trong đức tin, không nghi ngờ; 4. Để hiểu giáo lý, hãy tập hợp tất cả các đoạn Kinh Thánh về chủ đề bạn muốn biết, rồi để mỗi lời có ảnh hưởng thích đáng của nó; và nếu bạn có thể hình thành quan điểm của mình mà không có mâu thuẫn, thì bạn không thể sai lầm; 5. Kinh Thánh phải tự giải thích chính mình, vì nó là chuẩn mực của chính nó. Nếu tôi dựa vào một người thầy để giảng giải cho tôi, và ông ấy phỏng đoán ý nghĩa của nó, hoặc muốn nó như vậy vì tín điều giáo phái của mình, hoặc để được coi là khôn ngoan, thì sự phỏng đoán, ước muốn, tín điều, hoặc sự khôn ngoan của ông ấy là chuẩn mực của tôi, chứ không phải Kinh Thánh.'

Những điều nêu trên là một phần của các quy tắc này; và trong việc nghiên cứu Kinh Thánh của chúng ta, tất cả chúng ta sẽ làm tốt nếu lưu tâm đến những nguyên tắc đã được nêu ra.

Đức tin chân chính được đặt nền tảng trên Kinh Thánh; nhưng Sa-tan dùng biết bao mưu kế để xuyên tạc Kinh Thánh và đưa sự sai lạc vào, nên cần hết sức thận trọng nếu ai muốn biết Kinh Thánh thật sự dạy gì. Một trong những ảo tưởng lớn của thời đại này là quá đặt nặng cảm xúc, và tự nhận là ngay thẳng trong khi phớt lờ những lời phán dạy rõ ràng của lời Đức Chúa Trời chỉ vì lời ấy không phù hợp với cảm xúc. Nhiều người không có nền tảng nào cho đức tin ngoài cảm xúc. Tôn giáo của họ chỉ là sự sôi nổi; khi điều đó chấm dứt, đức tin của họ cũng mất. Cảm xúc có thể là trấu, nhưng lời Đức Chúa Trời là lúa mì. Và nhà tiên tri nói: "Trấu thì có can hệ gì với lúa mì?"

Không ai sẽ bị kết án vì không lưu tâm đến ánh sáng và tri thức mà họ chưa từng có và cũng không thể có được. Nhưng nhiều người từ chối vâng phục lẽ thật được các sứ giả của Đấng Christ trình bày cho họ, bởi họ muốn thuận theo tiêu chuẩn của thế gian; và lẽ thật đã đến với sự hiểu biết của họ, ánh sáng đã chiếu trong linh hồn, sẽ kết án họ trong Ngày Phán Xét. Trong những ngày sau rốt này, chúng ta có ánh sáng tích lũy đã chiếu qua mọi thời đại, và chúng ta sẽ phải chịu trách nhiệm tương xứng. Nền thánh khiết không ngang hàng với thế gian; ấy là một con đường được đắp cao. Nếu chúng ta bước đi trên con đường này, nếu chúng ta chạy theo các điều răn của Chúa, chúng ta sẽ thấy rằng "nền của người công chính giống như ánh sáng rạng soi, càng chiếu sáng hơn nữa cho đến ngày trọn vẹn." Review and Herald, ngày 25 tháng 11, 1884.

Bạn có thể tìm hiểu chi tiết hơn về các quy tắc của William Miller trong bài viết có tiêu đề "William Miller" thuộc danh mục "Prophetic Keys".

Trong "việc nghiên cứu Kinh Thánh của chúng ta, tất cả chúng ta sẽ làm tốt nếu lưu tâm đến các nguyên tắc đã được nêu ra" trong các quy tắc giải thích lời tiên tri của "Cha Miller". Sừng của Tin Lành đã được ban cho cuốn sách thiêng liêng mà chúng ta gọi là Kinh Thánh, và cũng được giao trách nhiệm bảo vệ và thúc đẩy các nguyên tắc chứa đựng trong đó; và sừng Tin Lành cũng được ban cho một bộ quy tắc để phân định đúng đắn ý nghĩa và mục đích của các văn bản thiêng liêng.

Tiếng kèn của chủ nghĩa cộng hòa được ban cho một văn kiện thiêng liêng mà chúng ta gọi là Hiến pháp, và cũng được giao trách nhiệm bảo vệ và thúc đẩy các nguyên tắc được nêu trong đó. Tiếng

kèn của chủ nghĩa cộng hòa cũng được ban cho một bộ quy tắc để phân định đúng đắn ý nghĩa và mục đích của văn kiện thiêng liêng ấy. Những quy tắc được ban để phân định đúng Hiến pháp chính là Tuyên ngôn Nhân quyền, và nó ghi khắc mục đích quan trọng nhất của Hiến pháp trong các điều khoản đầu tiên của Tuyên ngôn Nhân quyền. Tu chính án thứ nhất được liệt kê trong Tuyên ngôn Nhân quyền là quyền tự do tôn giáo, tự do bày tỏ, tự do ngôn luận và tự do báo chí.

"Quốc hội sẽ không ban hành bất kỳ đạo luật nào liên quan đến việc thiết lập tôn giáo, hoặc cấm đoán việc tự do thực hành tôn giáo; hoặc hạn chế tự do ngôn luận hoặc tự do báo chí; hoặc xâm phạm quyền của nhân dân được tụ họp một cách hòa bình và kiến nghị Chính phủ để được giải quyết các khiếu nại." Hiến pháp Hoa Kỳ, Tu chính án I

Luật Chủ nhật là một cuộc tấn công công khai vào điều khoản đầu tiên của Hiến pháp, điều bảo đảm tự do tôn giáo; sự tự do ấy bị xóa bỏ bởi luật Chủ nhật, qua đó đánh dấu sự cáo chung của Hiến pháp, sự kết thúc của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ với tư cách là vương quốc thứ sáu trong lời tiên tri Kinh Thánh, và sự khởi đầu của cuộc bách hại nhằm vào những ai khi ấy đang công bố sứ điệp của thiên sứ thứ ba với tiếng kêu lớn. Những người đang công bố tiếng kêu lớn của thiên sứ thứ ba và phản kháng việc hủy hoại Tu chính án thứ nhất và Hiến pháp bị bách hại bởi những người lẽ ra phải duy trì và áp dụng các quy tắc thiêng liêng, những quy tắc bảo vệ văn kiện thiêng liêng mà họ đã được bổ nhiệm để bảo vệ. Đây là một minh họa cho việc hiểu và áp dụng các lịch sử song song của hai sừng của con thú từ đất giống chiên con. Các Tổ phụ của Hiến pháp song song với "Tổ phụ" Miller. Thuật ngữ "Tổ phụ" dùng cho Miller nhằm chỉ một người lãnh đạo, chứ không phải một linh mục Công giáo La Mã. Kinh Thánh cấm gọi đàn ông là "cha" khi họ tự xưng là người hướng dẫn thuộc linh. Những người Millerite được gọi theo tên vị "tổ phụ" của họ, như vẫn thường xảy ra. Bỏ qua sự phân biệt này là bỏ lỡ một phần ý nghĩa của sứ điệp Ê-li, khi nó khiến lòng cha quay về con cái và ngược lại.

Hoa Kỳ trong Ê-sai đoạn 23 là vương quốc thứ sáu của lời tiên tri Kinh Thánh và vẫn như vậy cho đến khi nó phé bỏ Hiến pháp của mình vào thời điểm luật ngày Chủ nhật đang đến gần rất nhanh. Vương quốc thứ sáu cai trị trong bảy mươi năm mang tính tiên tri, tức là những ngày của một vua. Vương quốc (một vua là một vương quốc) đã cai trị bảy mươi năm là Ba-by-lôn. Trong suốt bảy mươi năm ấy, sừng của nhà nước là chính quyền Ba-by-lôn, còn sừng của giáo hội là người Canh-đê. Đa-ni-ên, Sađorác, Mê-sác và A-bết-nê-gô đại diện cho một trăm bốn mươi bốn ngàn. Cả hai sừng và dân của Đức Chúa Trời đều được đại diện trong lời chứng của Đa-ni-ên. Bảy mươi năm phu tù tại Ba-by-lôn là những ngày của một vua mà Ê-sai dùng để xác định rằng lịch sử tiên tri của Hoa Kỳ và lịch sử của Phong trào Cơ Đốc Phục Lâm kéo dài từ năm 1798 cho đến luật ngày Chủ nhật.

Nhận ra rằng dòng lịch sử tiên tri cho cả hai chiếc sừng của Hoa Kỳ cho phép chúng ta xem xét các điểm kết thúc và khởi đầu, với hai chiếc sừng làm nhân chứng cho nhau để nhận diện đặc tính của chiếc còn lại. Rốt cuộc thì các sừng đều giống nhau. Trong Daniel có những chiếc sừng; có chiếc bị gãy, và có những chiếc sừng mọc ra từ chiếc sừng bị gãy. Một số sừng trong Daniel không cùng kích thước với nhau, xuất hiện muộn hơn những chiếc khác. Nhưng không phải vậy đối với hai chiếc sừng của Hoa Kỳ. Hai chiếc sừng ấy song hành với nhau xuyên suốt cùng một lịch sử và tạo ra những cột mốc giống nhau, dù khác nhau về mục đích. Có những điểm cần lưu ý trong lịch sử đó

cũng quan trọng để hiểu.

Vào thuở ban đầu của phong trào Cơ Đốc Phục Lâm, đã có một sự chuyển đổi từ lịch sử tiên tri do Hội thánh Phi-la-đen-phi đại diện sang Hội thánh La-ô-đi-xê. Vì thế, đến thời kỳ cuối cùng, phải có một sự thay đổi từ lịch sử tiên tri của La-ô-đi-xê. Khải Huyền của Đức Chúa Giê-xu Christ bao hàm ánh sáng của sự hiểu biết này, và đó là một phần của những điều đang được mở án trong thời điểm này.

Và "sau khi hết bảy mươi năm" Giáo hoàng sẽ "hát" và "dâm phụ" "bị lãng quên" sẽ được nhớ đến. Nàng được "nhớ đến" khi có luật Chủ nhật, trong đó vấn đề là giữa việc thờ phượng mặt trời và thờ phượng ngày mà luật pháp của Đức Chúa Trời đã truyền cho nhân loại phải "nhớ".

Trong bài viết này, chúng tôi đã xác định rằng lịch sử bảy mươi năm thống trị của Ba-by-lôn là hình bóng cho lịch sử của Hoa Kỳ từ năm 1798 cho đến luật ngày Chủ nhật. Trong một bài viết trước đó và thường xuyên trong Các Bảng của Ha-ba-cúc, chúng tôi xác định rằng cảnh bị lưu đày tại Ai Cập và sự giải cứu khỏi Ai Cập cũng là hình bóng cho lịch sử của Hoa Kỳ và dân của Đức Chúa Trời. Bốn dòng lịch sử của Ba-by-lôn, Ai Cập, phong trào Cơ Đốc Phục Lâm và Hoa Kỳ không phải là những dòng duy nhất được đặt chồng lên các dòng này; nhưng khi chúng ta áp dụng quy tắc lần nhắc đến đầu tiên cho bốn dòng ấy thì thật vô cùng kinh ngạc. Tôi sẽ kết thúc bài viết này bằng một minh họa đơn giản và một phần về điều tôi muốn nói, và điều tôi dự định sẽ tiếp tục khi chúng ta bàn thêm về lịch sử của Ê-sai hai mươi ba vào một thời điểm sau.

Lịch sử của Ba-by-lôn có một vị vua đã hoán cải ở lúc khởi đầu và một vị vua gian ác ở cuối cùng. Không quan trọng đó là Biden hay Trump, vì sách Đa-ni-ên dạy rằng chính Đức Chúa Trời lập nên các bậc cầm quyền và hạ bệ họ. Điều có thể chắc chắn về bất cứ nhà lãnh đạo Dân chủ hay Cộng hòa nào vào thời điểm luật Chủ nhật là rằng họ là một nhà lãnh đạo gian ác. Nê-bu-cát-nét-sa là Ba-by-lôn; ông là bạo chúa của Ba-by-lôn, sẵn sàng quăng ba người công chính vào lò lửa. Nhưng cuối cùng ông đã hoán cải theo Đức Chúa Trời của Đa-ni-ên. Nhưng không như vậy với nhà lãnh đạo cuối cùng là Bên-xát-sa. Ông là một vua gian ác. Trong lời tiên tri, Hoa Kỳ khởi đầu như một con chiên, biểu tượng của Đấng Christ và sự hy sinh của Ngài vì nhân loại. Đến cuối cùng, Hoa Kỳ sẽ nói như một con rồng. Sự chuyển đổi từ Đấng Christ sang Sa-tan trong mạch lịch sử này được thể hiện qua sự khác biệt giữa Nê-bu-cát-nét-sa và Bên-xát-sa.

Belshazzar đã được ban cho nhiều cơ hội để biết và làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Ông đã thấy ông nội mình, Nebuchadnezzar, bị đuổi khỏi xã hội loài người. Ông đã thấy trí tuệ mà vị quân vương kiêu ngạo ấy tự hào bị Đấng đã ban cho lấy lại. Ông đã thấy nhà vua bị đuổi khỏi vương quốc mình và trở thành bạn đồng hành của thú đồng. Nhưng lòng yêu thích vui chơi giải trí và sự tự tôn vinh mình của Belshazzar đã xóa mờ những bài học mà ông lẽ ra không bao giờ được quên; và ông đã phạm những tội tương tự như những tội đã khiến các sự phán xét hiển nhiên giáng trên Nebuchadnezzar. Ông đã phung phí những cơ hội ân huệ ban cho mình, bỏ qua việc tận dụng những cơ hội trong tầm tay để nhận biết lẽ thật. "Tôi phải làm gì để được cứu?" là câu hỏi mà vị vua vĩ đại nhưng đại dột ấy đã thờ ơ bỏ qua. Bible Echo, ngày 25 tháng 4, 1898.

Hãy lưu ý rằng kẻ gian ác Belshazzar là vị vua ngu muội. Ông phải chịu cùng một sự phán xét như cha mình là Nebuchadnezzar, vì cả hai sự phán xét đều được biểu thị như “bảy lần” trong Lê-vi Ký 26. Nebuchadnezzar đã sống ngoài đồng như loài thú trong hai nghìn năm trăm hai mươi ngày, tức là bảy năm theo Kinh Thánh; và sự phán xét dành cho con trai ông là Belshazzar, điều được viết trên tường, cũng biểu thị con số hai nghìn năm trăm hai mươi. Điểm khác biệt là sự phán xét đối với Nebuchadnezzar đã biến đổi ông và khiến ông trở thành một vị vua khôn ngoan, trong khi sự phán xét đối với Belshazzar thì giáng trên vị vua ngu muội.

"Án quyết của Đấng Canh Giữ thiêng liêng đã đến với vị vua cuối cùng của Ba-by-lôn, cũng như—trong hình bóng—đối với vị vua đầu tiên của nó: 'Hỡi vua, . . . lời này phán cho vua; Nước đã lia khỏi vua.' Đa-ni-ên 4:31." Các Tiên tri và Các Vua, 533.

Dòng chữ trên tường dành cho vị tổng thống cuối cùng chính là Tu chính án thứ nhất, vốn xác định “bức tường” phân cách giữa giáo hội và nhà nước, điều mà vị vua ngu muội sau cùng không hiểu. “Bảy lần” trong Lê-vi Ký 26 tượng trưng cho một “sự tàn lạc của dân” do vua phương bắc thực hiện khi có luật ngày Chủ nhật. Sự tàn lạc ấy chính là sự suy vong quốc gia xảy ra sau luật ngày Chủ nhật. Quốc gia thứ sáu đã quên những bài học của các vị tổ phụ lập quốc của họ, những người đã thảo ra Hiến pháp để bảo vệ không chỉ khỏi một giáo hội bại hoại, mà còn khỏi các vua chúa châu Âu chuyên chế mà người phụ nữ đòi bại kia đã nằm với. Các vị tổ phụ lập quốc đại diện cho những người khước từ chế độ giáo hoàng và các vua chúa châu Âu, vì họ biết từ chính kinh nghiệm của mình, sau khi bước ra khỏi một sự tàn lạc kéo dài một nghìn hai trăm sáu mươi năm trong bóng tối giáo hoàng, rằng những sự bảo vệ chống lại kiêu bạo quyền ấy phải là điểm then chốt của Bản Hiến pháp mới của họ. Họ là những người cha khôn ngoan, hiền lành như chiên con, nhưng không phải vậy với người cha sau cùng, vì ông sẽ nói như rồng. Các vị Cha đã ra khỏi một sự tàn lạc, còn người con thì quay trở lại vào sự tàn lạc. Kẻ bạo chúa trong cả hai trường hợp chính là chế độ giáo hoàng thứ nhất và chế độ giáo hoàng sau cùng.

Biểu tượng của sự phán xét giáng trên Nebuchadnezzar, vị vua thứ nhất, và vua cuối cùng Belshazzar, là sự “bảy lần” tàn lạc trong Lê-vi Ký hai mươi sáu. Nebuchadnezzar đã sống qua điều đó, và Belshazzar thì có điều ấy được viết trên tường như văn bia của mình ngay trong đêm ông qua đời. Biểu tượng của sừng Cộng hòa lúc ban đầu là sự thoát khỏi ách nô lệ của vua phương bắc, và biểu tượng của sừng Cộng hòa lúc kết thúc là sự giam cầm do vua phương bắc gây ra. Luật ngày Chủ nhật chính là “đêm ấy” khi nó chết với tư cách là vương quốc thứ sáu của lời tiên tri Kinh Thánh. Trong cả bốn minh họa—Belshazzar, Nebuchadnezzar, và sự khởi đầu cùng sự kết thúc của sừng Cộng hòa—hai mươi lăm hai mươi của Lê-vi Ký hai mươi sáu là biểu tượng được thể hiện ở phần mở đầu và phần kết thúc. Điều đó đại diện cho chữ ký của Alpha và Omega.

“Lời tiên tri về thời gian” đầu tiên mà William Miller khám phá là hai nghìn năm trăm hai mươi của Lê-vi Ký đoạn hai mươi sáu. Đó là viên đá đầu tiên trong nền móng mà Chúa Giê-su đã đặt qua công việc của Miller. Nó cũng là lẽ thật nền tảng đầu tiên bị phong trào Cơ Đốc Phục Lâm gạt sang một bên vào năm 1863. Khi tất cả những viên đá lẽ thật của Miller được đặt vào nền móng, những lẽ thật ấy được trình bày trên hai bảng của Ha-ba-cúc, tức là các biểu đồ tiên phong 1843 và 1850. Hai bảng ấy tượng trưng cho mối quan hệ giao ước giữa Đức Chúa Trời và dân được Ngài xưng danh, cũng như hai tấm bảng Mười Điều Răn đại diện cho giao ước với Y-sơ-ra-ên xưa.

Vào cuối thời kỳ Phục Lâm La-ô-đi-xê, khi nó bị Chúa mưa ra khỏi miệng Ngài vào thời điểm luật Chúa nhật, thì chữ viết trên tường chính là hai biểu đồ tiên phong thiêng liêng ấy. Những biểu đồ mà họ không thể đọc, vì họ đã khước từ để sứ điệp cảnh báo đem lại ích lợi cho họ ngay từ buổi đầu lịch sử của họ....

Cuộc khủng hoảng tài chính năm 1837 tại Hoa Kỳ là một sự kiện phức tạp, do sự kết hợp giữa các yếu tố kinh tế, chính sách và hoạt động đầu cơ gây ra.

Bong bóng đầu cơ: Trong những năm trước 1837, đã có một làn sóng đầu cơ bùng nổ trong lĩnh vực đất đai và đầu tư, một phần được thúc đẩy bởi sự mở rộng về phía tây của đất nước. Việc đầu cơ đất đai, đặc biệt ở vùng biên cương phía tây, đã dẫn đến giá đất bị thổi phồng và tình trạng vay mượn quá mức.

Tín dụng dễ dãi và cho vay đầu cơ: Các ngân hàng và tổ chức tài chính đã cấp một lượng lớn tín dụng và khoản vay, thường không có tài sản bảo đảm đầy đủ. Việc tiếp cận tín dụng dễ dàng này đã góp phần vào cơn sốt đầu cơ và làm gia tăng rủi ro bất ổn tài chính.

Sự mở rộng quá mức của các ngân hàng: Các ngân hàng đã mở rộng hoạt động một cách nhanh chóng, thường phát hành nhiều tiền giấy (ngân phiếu) hơn lượng tiền kim loại (vàng và bạc) mà họ có để bảo chứng. Thực tiễn này, được gọi là "wildcat banking", đã dẫn đến sự dư thừa quá mức của tiền tệ không được quản lý và không đáng tin cậy trong lưu thông.

Các chính sách kinh tế của Jackson: Các chính sách của Tổng thống Andrew Jackson đã góp phần làm trầm trọng thêm cuộc khủng hoảng. Ông đã ban hành Chi thị Kim tệ vào năm 1836, yêu cầu đất công phải được mua bằng tiền kim loại (vàng và bạc) thay vì tiền giấy. Điều này dẫn đến làn sóng chuyển đổi tiền giấy sang kim tệ, gây căng thẳng tài chính và các vụ phá sản ngân hàng.

Các yếu tố quốc tế: Cuộc khủng hoảng ở Hoa Kỳ cũng chịu ảnh hưởng từ các điều kiện kinh tế quốc tế. Sự suy giảm của nền kinh tế Anh, một đối tác thương mại lớn của Hoa Kỳ, đã làm giảm nhu cầu đối với hàng hóa và xuất khẩu của Hoa Kỳ. Điều này, đến lượt nó, đã ảnh hưởng đến các doanh nghiệp Hoa Kỳ và góp phần vào tình trạng khó khăn kinh tế.

Hoảng loạn và rút tiền hàng loạt khỏi ngân hàng: Vào tháng 5 năm 1837, một loạt cú sốc tài chính, bao gồm sự đổ vỡ của các ngân hàng và sự thu hẹp tín dụng, đã dẫn đến tình trạng hoảng loạn trong giới nhà đầu tư và người gửi tiền. Tình trạng hoảng loạn này đã kích hoạt một làn sóng rút tiền hàng loạt khỏi các ngân hàng và sự thu hẹp tín dụng nghiêm trọng.

Sự thu hẹp cung tiền: Khi các ngân hàng phá sản và tín dụng bị thắt chặt, tổng cung tiền trong nền kinh tế đã thu hẹp đáng kể. Sự thu hẹp này làm trầm trọng thêm các khó khăn kinh tế và đào sâu cuộc suy thoái. Sự kết hợp của những yếu tố này đã dẫn đến một đợt suy giảm kinh tế nghiêm trọng, được đặc trưng bởi các vụ phá sản ngân hàng, thất nghiệp, chi tiêu của người tiêu dùng sụt giảm và tình trạng suy thoái kinh tế chung.

"Chúng ta không có gì phải sợ cho tương lai, trừ phi chúng ta quên đường lối Chúa đã dẫn dắt chúng ta và sự dạy dỗ của Ngài trong lịch sử quá khứ của chúng ta." Life Sketches, 196.